

HẠNH PHÚC AN LÀNH: NHÃN NẠI

Tỳ khưu Hộ Pháp Dhammarakkhita

MÓN QUÀ PHÁP *DHAMMAPANNĀKĀRA*

Kính bạch Ngài Đại Trưởng Lão Hộ Nhẫn Khantipālamahātheravara khả kính!

Tất cả chúng con thành kính dâng lên Ngài phần phước món pháp thí này, ngưỡng mong Ngài từ bi chứng giám, để cho tất cả chúng con được sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an lạc lâu dài.

Cuộc đời phạm hạnh cao thượng của Ngài, theo thiên ý của chúng con, thật đúng với pháp danh của Ngài.

Kính xin Ngài từ bi hộ trì cho mỗi người chúng con biết giữ gìn, duy trì được đức tính nhĩn nại như Ngài.

*Thành kính dâng lễ Ngài
Phật tử Tổ đình Bửu Long*

MỤC LỤC

LỜI NGỎ	2
THỂ NÀO GỌI LÀ ĐỨC TÍNH NHÃN NẠI.....	2
PHÁP HẠNH NHÃN NẠI BA LA MẬT	4
TÍCH ĐẠO SĨ KHANTIVĀDĪ	4
TÍCH ĐẠI ĐỨC PUNNA	7
ĐỨC NHÃN NẠI KHÔNG GÂY OAN TRÁI.....	9
THẮNG RỒI KHÔNG BẠI	10
PHÁP KHÔNG NHÃN NẠI, PHÁP NHÃN NẠI THUỘC LOẠI TÂM NÀO	11
LỢI ÍCH CỦA SỰ DIỆT SÂN TÂM.....	14
KHÔNG NHẬN LỜI CHỬI MẮNG	15
BIẾT NHÃN NẠI LÀ THẮNG.....	17
NHÃN NẠI ĐƯỢC LỢI ÍCH CAO THƯỢNG	18
PHÁP HÀNH TRỞ THÀNH ĐỨC VUA SAKKA.....	19
SÂN TÂM KHÔNG SANH CHƯA HẸN LÀ NHÃN NẠI.....	21
SÂN TÂM KHÔNG SANH DO ĐỨC TÍNH NHÃN NẠI	22
NHÂN DUYÊN CÓ SẮC ĐẸP	23
VẤN ĐÁP VỀ ĐỀ TÀI NHÃN NẠI	25
ĐOẠN KẾT	31

LỜI NGỎ

Nhẫn nại là một đức tính cao thượng, người có đức tính nhẫn nại là người được hạnh phúc an lành. Trong bài kinh ***Maṅgalasutta - Kinh An Lành***, Đức Phật thuyết dạy 38 pháp đem lại sự an lành, hạnh phúc cho chư thiên, nhân loại, trong đó có bài kệ rằng:

"Khanṭi ca sovacassaṭā,

Samaṇānañca dassanaṃ.

Kālena dhammasākacchā,

Eṭaṃ maṅgalamuṭṭamaṃ".

(Này tất cả chư thiên, nhân loại,

Có bốn pháp an lành cao thượng:

Một, đức tính nhẫn nại tự nhiên,

Hai, con người dễ dạy hiền lành,

Ba, chiêm ngưỡng các bậc Sa môn,

Bốn, tùy thời đàm luận chánh pháp,

Pháp nào cũng an lành cao thượng).

-- - *Khud. Suṭṭanipāṭapāli, kinh Maṅgalasutta.*

NHẪN NẠI

Trong bốn pháp này, xin giảng giải pháp đầu: "Đức tính nhẫn nại tự nhiên".

Thế nào gọi là đức tính nhẫn nại?

Đức tính nhẫn nại là một đức hạnh cao thượng, một thiện pháp đặc biệt, biết chấp nhận, biết chịu đựng mọi cảnh trái ý nghịch lòng, mà không hề có thái độ sân hận, bực tức, vẫn giữ vững thiện tâm trong sạch một cách tự nhiên, không bị dao động khi gặp đối tượng làm cho bất bình nào.

Đức tính nhẫn nại đặc biệt hơn các thiện pháp khác, là chỉ có thể tạo được trong những trường hợp sau:

-- Khi tiếp xúc với cảnh thiên nhiên khắc nghiệt như: khí hậu lạnh lẽo quá, nóng bức quá, muỗi mòng cắn khó chịu quá, rần rít cắn đau đớn quá v.v... mà vẫn chấp nhận chịu đựng, không hề có thái độ sân hận, bực mình, khó chịu, vẫn giữ vững thiện tâm trong sạch một cách tự nhiên, không bị dao động bởi những đối tượng làm cho bất bình ấy. Đó gọi là đức tính nhẫn nại.

-- Khi tiếp xúc với người ác nghiệt như: chửi rủa, mắng nhiếc thậm tệ, vu oan giá họa tày trời, đánh đập tàn nhẫn, v.v... mà vẫn chấp nhận chịu đựng, không hề có thái độ sân hận, tức giận người ấy, vẫn giữ vững thiện tâm trong sạch một cách tự nhiên, không bị dao động bởi những đối tượng làm cho bất bình ấy. Đó gọi là đức tính nhẫn nại.

Như vậy, pháp hạnh nhẫn nại không phải tạo được bất cứ lúc nào, bất cứ đối tượng nào, mà chỉ có thể tạo được khi tiếp xúc với đối tượng làm cho bất bình, nghịch cảnh, nghịch duyên mà thôi. Những đối tượng làm cho bất bình ấy dễ phát sanh tâm sân hận; nhưng người có phát nguyện hành

pháp hạnh nhẫn nại, đó là cơ hội tốt đối với họ, thay vì tâm sân hận thì tâm vô sân phát sanh, tạo được pháp hạnh nhẫn nại trở thành một đức tính nhẫn nại cao thượng.

Do đó, đức hạnh nhẫn nại là một thiện pháp rất đặc biệt hơn các thiện pháp khác. Các thiện pháp khác như: bố thí, giữ giới, hành thiền... người ta có thể tạo bất cứ lúc nào mình muốn, bất cứ đối tượng nào mình chọn; nhưng đối tượng làm cho bất bình, nghịch cảnh, nghịch duyên này chỉ xảy ra một cách tự nhiên, người có đức tính nhẫn nại tiếp xúc với đối tượng làm cho bất bình ấy vẫn giữ vững thiện tâm trong sạch, mọi thiện pháp được phát triển tốt. Cho nên, đức tính nhẫn nại có một vai trò rất quan trọng, hỗ trợ cho mọi thiện pháp được phát sanh và tăng trưởng, đem lại sự lợi ích cả cho mình lẫn cho người.

Trong đời này, người không có đức tính nhẫn nại, thật khó mà tiến hoá trong mọi thiện pháp, dễ gây ra sự tai hại, điều bất lợi cho mình và người. Cho nên, Đức Phật khuyên dạy chư Tỳ khuru khi đi truyền bá chánh pháp rằng:

"Khanṭi paramaṃ tapo tikkhā...". (Bộ Dhammapadaṭṭhakathā bài kệ thứ 184.)
(Này các con, pháp hạnh nhẫn nại là đức tính cao thượng nhất).

Vậy nên hiểu sự tai hại của pháp không nhẫn nại và quả báu lợi ích của pháp hạnh nhẫn nại.

Trong Chi bộ kinh, kinh Akkhaṇṭisutta (Aṅguttaranikāya, Pañcakanipāṭa, kinh Akkhaṇṭisutta), Đức Phật dạy rằng:

-- Này chư Tỳ khuru, 5 điều tai hại đối với người không có pháp hạnh nhẫn nại là:

- 1- Người không có pháp hạnh nhẫn nại là người không được phần đông yêu mến, không hài lòng.
- 2- Là người gây nhiều oan trái với người khác.
- 3- Là người tạo nên nhiều tội ác.
- 4- Là người mê muội lúc lâm chung.
- 5- Sau khi chết, do ác nghiệp cho quả tái sanh cõi ác giới, địa ngục, atula, ngạ quỷ, súc sanh.

-- Này chư Tỳ khuru, 5 quả báu lợi ích của người có pháp hạnh nhẫn nại là:

- 1- Người có pháp hạnh nhẫn nại là người được phần đông yêu mến, hài lòng.
- 2- Là người không gây oan trái với người khác.
- 3- Là người không tạo nên tội ác, tạo phước thiện.
- 4- Là người không mê muội, có tâm sáng suốt, minh mẫn lúc lâm chung.
- 5- Sau khi chết, do thiện nghiệp cho quả tái sanh cõi thiện giới, cõi trời....

-- Này chư Tỳ khuru, đó là 5 quả báu lợi ích của người có pháp hạnh nhẫn nại.

Và trong bài kinh khác, Đức Phật dạy:

-- Này chư Tỳ khuru, 5 điều tai hại đối với người không có pháp hạnh nhẫn nại là:

- 1- Người không có pháp hạnh nhẫn nại là người không được phần đông yêu mến, không hài lòng.
- 2- Là người có tâm tàn nhẫn với người khác.
- 3- Là người hay tức giận, nóng nảy.
- 4- Là người mê muội lúc lâm chung.

5- Sau khi chết, do ác nghiệp cho quả tái sinh vào cõi ác giới, địa ngục, atula, nga quý, súc sanh....

Đó là 5 điều tai hại đối với người không có pháp hạnh nhẫn nại.

-- Nay chư Tỳ khuru, 5 quả báu lợi ích của người có pháp hạnh nhẫn nại là:

- 1- Người có pháp hạnh nhẫn nại là người được phần đông yêu mến, hài lòng.
- 2- Là người không có tâm tàn nhẫn, có tâm từ thương yêu mọi chúng sinh.
- 3- Là người không tức giận, không nóng nảy, có tâm từ mát mẻ.
- 4- Là người không mê muội, có tâm sáng suốt, minh mẫn lúc lâm chung.
- 5- Sau khi chết, do thiện nghiệp cho quả tái sinh cõi thiện giới, cõi trời....

-- Nay chư Tỳ khuru, đó là 5 quả báu lợi ích của người có pháp hạnh nhẫn nại.

Pháp hạnh Nhẫn nại Ba la mật

Đức tính nhẫn nại là một trong mười pháp hạnh ba la mật mà chư Bồ Tát cần phải thực hành để trở thành Đức Phật Toàn Giác hoặc Đức Phật Độc Giác hoặc bậc Thánh Thanh Văn Giác tùy theo sở nguyện của mình.

TÍCH ĐẠO SĨ KHANTIVĀDĪ

Đạo sĩ Khantivādī là Đức Bồ Tát tiền thân của Đức Phật Gotama, thực hành pháp hạnh nhẫn nại ba la mật trong tích tiền thân Khantivādījāṭaka (Khud. Bộ Jāṭaka, phần Catukanipāṭa, tích Khantivādī jāṭaka) được tóm lược như sau:

Một thuở nọ, Đức Thế Tôn ngự tại chùa Jetavana thuyết giảng về tiền thân của Ngài là một đạo sĩ tên Khantivādī, thực hành pháp hạnh nhẫn nại ba la mật. Trong quá khứ, Đức Bồ Tát sanh trưởng trong gia đình Bà la môn phú hộ tại kinh thành Bārāṇasi, tên Ngài là Kuṇṇala. Khi trưởng thành, Đức Bồ Tát được gởi đến kinh thành Takkasila để học các bộ môn theo truyền thống Bà la môn, tốt nghiệp xong trở về kinh thành Bārāṇasi. Thời gian sau, cha mẹ của Ngài qua đời, để lại toàn bộ gia sản cho Ngài.

Một hôm, Ngài suy tư rằng: "Ông bà, cha mẹ đã tích lũy của cải, tài sản nhiều như thế này, nhưng khi từ giã cõi đời, chẳng ai mang theo được một thứ nào cả, đến phiên ta cũng như vậy thôi! Ta nên đem tất cả của cải, tài sản này làm phước bố thí đến những người nghèo khổ, rồi ta sẽ bỏ nhà, đi vào rừng núi Himavanta xuất gia trở thành đạo sĩ, sống bằng hoa quả...".

Thực hiện theo ý nguyện, Đức Bồ Tát xuất gia trở thành đạo sĩ sống trong rừng núi Himavanta một thời gian khá lâu. Để thay đổi món vật thực, Ngài ra khỏi khu rừng núi Himavanta, đến kinh thành Bārāṇasi, trú tại vườn thượng uyển của Đức vua Kalābu (Bộ Jāṭaka nước Thái Lan gọi Kalāpu). Hằng ngày Ngài đi khát thực đến từng nhà, vị quan thừa tướng của Đức vua Kalābu nhìn thấy Đức Bồ Tát phát sanh đức tin trong sạch, xin hộ độ cúng dường vật thực đến Ngài.

Một hôm, Đức vua Kalābu cùng với nhóm cung nữ đờn ca múa hát, du lãm đến vườn thượng uyển. Đức vua dùng rượu say nằm ngủ trên tảng đá, gối đầu trên đùi của một nàng cung nữ xinh đẹp. Nhóm cung nữ thấy Đức vua ngủ say, nên ngưng đờn ca múa hát và cùng nhau đi dạo chơi trong vườn thượng uyển, gặp Đức Bồ Tát đang ngồi dưới gốc cây, họ kéo nhau đến đánh lễ Ngài, thỉnh Ngài thuyết pháp, rồi cùng nhau chăm chú ngồi lắng nghe pháp.

Đức vua Kalābu vừa tỉnh ngủ, nhưng vẫn còn say, không nhìn thấy nhóm cung nữ bèn hỏi:

-- Các cung nữ đi đâu cả rồi?

Nàng cung nữ ngồi tại đó tâu:

-- Tâu Bệ hạ, các cô ấy dẫn nhau đến chỗ vị đạo sĩ, đang ngồi lắng nghe pháp nơi cội cây đằng kia.

Đức vua nổi cơn thịnh nộ, vội vàng cầm thanh gươm đến định giết vị đạo sĩ, nhóm cung nữ nhìn thấy Đức vua giận dữ, tay cầm thanh gươm hần học bước đến, một nàng cung nữ lanh trí chạy đến đón Đức vua, cướp lấy thanh gươm, tìm cách làm cho Đức vua nguôi bớt cơn thịnh nộ.

Đức vua bèn hỏi Đức Bồ Tát rằng:

-- Sa môn, người thuyết pháp gì?

-- Tâu Đại vương, bản đạo thuyết giảng pháp hạnh nhẫn nại.-Đức Bồ Tát tâu.

-- Pháp hạnh nhẫn nại là thế nào?-Đức vua hỏi.

Đức Bồ Tát từ tôn tâu rằng:

-- Tâu Đại vương, pháp hạnh nhẫn nại là pháp vô sân, không tức giận người chửi rửa, mắng nhiếc mình, đánh đập làm khổ mình.

Đức vua nổi giận quát tháo rằng:

-- Được rồi! Bây giờ ta sẽ thấy pháp hạnh nhẫn nại của người.

Đức vua liền truyền lệnh gọi tên đao phủ đến ngay. Tên đao phủ mang mã tấu, roi gai đến trình diện Đức vua tâu rằng:

-- Tâu Bệ hạ, hạ thần phải làm gì?

Đức vua truyền lệnh tên đao phủ xô Đức Bồ Tát nằm xuống đất, dùng roi gai đánh trước ngực, sau lưng, hai bên hông tất cả hai ngàn (2.000) roi.

Tên đao phủ tuân theo lệnh của Đức vua, đánh Đức Bồ Tát làm rách da, nát thịt, máu chảy ra đầm dề.

Đức vua hỏi lại một lần nữa:

-- Sa môn, người có pháp gì?

Đức Bồ Tát tâu rằng:

-- Tâu Đại vương, bản đạo có pháp hạnh nhẫn nại, Đại vương tưởng rằng pháp hạnh nhẫn nại của bản đạo ở nơi da thịt hay sao! Pháp hạnh nhẫn nại không có trên da thịt, Đại vương không thể nhìn thấy pháp hạnh nhẫn nại được đâu.

Tâu Đại vương, pháp hạnh nhẫn nại của bản đạo an trú trong tâm.

Đức vua càng tức giận truyền lệnh tên đao phủ lấy mã tấu chặt hai tay, hai chân của Đức Bồ Tát, máu phun ra từ cánh tay, hai ống chân bị đứt.

Đức vua bèn hỏi lại:

-- Sa môn, người có pháp gì?

Đức Bồ Tát vẫn điềm nhiên tâu rằng:

-- Tâu Đại vương, bản đạo có pháp hạnh nhẫn nại, Đại vương tưởng rằng pháp hạnh nhẫn nại của bản đạo ở hai tay, hai chân hay sao. Pháp hạnh nhẫn nại không có nơi hai tay, hai chân, Đại vương không thể nhìn thấy pháp hạnh nhẫn nại được đâu.

Tâu Đại vương, pháp hạnh nhẫn nại của bản đạo an trú sâu thẳm trong tâm.

Đức vua càng thêm tức giận điên cuồng truyền lệnh tên đao phủ cắt hai lỗ tai, lỗ mũi, toàn thân máu chảy ướt đầm dề.

Đức vua hỏi lại:

-- Sa môn, ngươi có pháp gì?

Đức Bồ Tát có thiện tâm trong sáng với vô sân tâm sở vững chắc, từ tôn tâu rằng:

-- Tâu Đại vương, bản đạo có pháp hạnh nhẫn nại, Đại vương tưởng rằng pháp hạnh nhẫn nại của bản đạo ở nơi hai tai, lỗ mũi hay sao! Pháp hạnh nhẫn nại không có nơi hai tai, lỗ mũi, Đại vương không thể nhìn thấy pháp hạnh nhẫn nại được đâu.

Tâu Đại vương, pháp hạnh nhẫn nại của bản đạo an trú sâu thẳm ở trong tâm.

Đức vua vô cùng thịnh nộ, điên cuồng quát tháo rằng:

-- Này tên Sa môn ương ngạnh, ngươi nằm ở đây mà gìn giữ pháp hạnh nhẫn nại của ngươi.

Đức vua lấy chân đạp mạnh vào ngực của Đức Bồ Tát rồi bỏ đi.

Khi Đức vua Kalābu đi khỏi nơi ấy, vị quan thừa tướng cảm thấy vô cùng thương xót Đức Bồ Tát, lấy khăn lau máu toàn thân, nhặt hai tay, hai chân, hai lỗ tai và mũi bỏ vào trong bao rồi đỡ Đức Bồ Tát ngồi dậy, đánh lễ Đức Bồ Tát bèn bạch rằng:

-- Kính bạch Ngài đạo sĩ cao thượng! Nếu Ngài tức giận, thì chỉ tức giận một mình Đức vua làm khổ Ngài mà thôi, cúi xin Ngài có tâm bi thương xót, không giận dân chúng trong xứ sở này, để cho xứ sở này tránh nạn diệt vong.

Đức Bồ Tát an nhiên tự tại dạy rằng:

"Yo me haṭṭhe ca pāde ca.

Kaṇṇa-nāsaṅca chedayi

Ciraṃ jīvatu so rājā

Na hi kujjhanṭi mādisā".

(Này vị quan thừa tướng!

Đức vua nào truyền lệnh,

Chặt hai tay, hai chân,

Cắt hai tai và mũi,

Cầu mong Đức vua ấy

Có tuổi thọ sống lâu,

Bậc trí như bản đạo,

Chẳng hề có tức giận).

Đức vua Kalābu ngự ra đến cổng vườn thượng uyển, nơi khuất mắt Đức Bồ Tát, bỗng mặt đất rung động nứt nẻ, từ dưới khe nứt phun lên một ngọn lửa thiêu hủy xác ông rút sâu tận lòng đất. Sau

khi chết, do ác nghiệp tàn nhẫn làm hại Đức Bồ Tát, cho quả sa đọa vào cõi ác giới, đại địa ngục Avīci, chịu quả khổ do ác nghiệp của mình đã tạo.

Còn Đức Bồ Tát bị thương tích nặng, cũng qua đời ngay ngày hôm ấy. Sau khi qua đời, do thiện nghiệp cho quả tái sinh cõi thiên giới, hưởng mọi sự an lạc nơi cõi ấy.

Toàn thể dân chúng trong kinh thành Bārāṇasi vô cùng tôn kính Đức Bồ Tát, mang hoa, vật thơm, v.v... đến cúng dường thi thể Đức Bồ Tát rồi đem đi hỏa táng.

Những nhân vật trong tích Đức Bồ Tát Khaṇṭivādī, tiền thân của Đức Phật Goṭama, liên quan đến hậu thân trong kiếp hiện tại là:

- Đức vua Kalābu: kiếp hiện tại là Tỳ khuru Devadaṭṭa.
- Vị quan thừa tướng: kiếp hiện tại là Ngài Đại Đức Sāriputṭa.
- Đức Bồ Tát Khaṇṭivādī: kiếp hiện tại là Đức Phật Goṭama.

(Xong tích tiền thân Khaṇṭivādī).

Đức tính nhân nại đó là vô sân tâm sở đồng sanh trong đại thiện tâm, khi tiếp xúc với đối tượng làm cho bất bình, nghịch cảnh, nghịch duyên. Cho nên, **đối tượng** xấu hoặc tốt không quan trọng, mà điều quan trọng là **tâm** hiểu biết khi tiếp xúc đối tượng ấy, làm cho phát sanh đại thiện tâm hoặc bất thiện tâm (ác tâm).

Ví dụ:

-- **Đức Phật** là một đối tượng tốt, hoàn hảo: Đối với hàng Phật tử chiêm ngưỡng Đức Phật, phát sanh đại thiện tâm, có đức tin trong sạch tăng trưởng mọi thiện pháp. Nhưng đối với hàng ngoại đạo nhìn thấy Đức Phật, phát sanh bất thiện tâm (ác tâm), bởi vì họ nghĩ rằng: "Do Sa môn Goṭama này làm cho chúng ta mất nhiều lợi lộc, mất nhiều sự lễ bái cúng dường".

-- **Tử thi** là một đối tượng xấu: Đối với hành giả tiến hành thiền định, tử thi là đề mục thiền định, mà họ có thể chứng đắc đệ nhất thiền sắc giới, và đối với hành giả tiến hành thiền tuệ có thể chứng đắc Thánh Đạo-Thánh Quả và Niết Bàn. Nhưng đối với số người có tánh hay sợ khi gặp tử thi trong rừng, nơi thanh vắng, thì tâm sân phát sanh hoảng sợ đến mất trí.

Quan niệm về đối tượng rất quan trọng làm cho phát sanh thiện tâm hoặc ác tâm.

TÍCH ĐẠI ĐỨC PUNNA

Trong kinh Puṇṇovādasutta (Majjhimanikāya, Uparipannāsa, kinh Puṇṇovādasutta) được tóm lược như sau:

Đại Đức Punna nguyên là một lái buôn vùng Sunāparanta chuyên chở hàng hoá bằng xe đến kinh thành Sāvattthi để buôn bán. Một hôm, người lái buôn đến nghe Đức Phật thuyết pháp tại ngôi chùa Jetavana, phát sanh đức tin trong sạch nơi Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng, xin Đức Phật cho phép xuất gia trở thành Tỳ khuru.

Sau khi trở thành Tỳ khuru, ở tại kinh thành Sāvattthi một thời gian, Ngài muốn xin Đức Phật cho phép đi đến vùng Sunāparanta, nên Ngài đến hầu đánh lễ Đức Thế Tôn xin được nghe pháp, Đức Thế Tôn thuyết pháp tế độ Ngài xong, bèn hỏi rằng:

- Này Punna, con sẽ đi ở nơi nào?

Đại Đức Puṇṇa bạch đúng theo ý nguyện của mình.

-- Kính bạch Đức Thế Tôn, con xin Ngài cho phép con đi đến ở vùng Sunāparanta.

-- Nay Puṇṇa, dân chúng vùng Sunāparanta hung dữ, tàn nhẫn lắm.

1- Nay Puṇṇa, nếu dân chúng vùng Sunāparanta chửi mắng, hăm dọa con, thì con nghĩ thế nào về điều ấy?

-- Kính bạch Đức Thế Tôn, nếu dân chúng vùng Sunāparanta chửi mắng, hăm dọa con, thì con nghĩ về điều ấy rằng: "Dân chúng Sunāparanta tốt lắm! Dân chúng Sunāparanta còn đối xử tử tế với con lắm! Bởi vì họ không đánh con bằng tay".

Kính bạch Đức Thế Tôn, về điều ấy, con nghĩ như vậy.

2- Nay Puṇṇa, nếu dân chúng vùng Sunāparanta đánh con bằng tay, thì con nghĩ thế nào về điều ấy?

-- Kính bạch Đức Thế Tôn, nếu dân chúng vùng Sunāparanta đánh con bằng tay, thì con sẽ nghĩ về điều ấy rằng: "Dân chúng vùng Sunāparanta tốt lắm! Dân chúng vùng Sunāparanta còn đối xử tử tế với con lắm! Bởi vì họ không ném đá vào con".

Kính bạch Đức Thế Tôn, về điều ấy, con nghĩ như vậy.

3- Nay Puṇṇa, nếu dân chúng vùng Sunāparanta ném đá vào con, thì con nghĩ thế nào về điều ấy?

-- Kính bạch Đức Thế Tôn, nếu dân chúng vùng Sunāparanta ném đá vào con, thì con nghĩ về điều ấy rằng: "Dân chúng vùng Sunāparanta tốt lắm! Dân chúng vùng Sunāparanta còn đối xử tử tế với con lắm! Bởi vì họ không đánh con bằng gậy gộc".

Kính bạch Đức Thế Tôn, về điều ấy, con nghĩ như vậy.

4- Nay Puṇṇa, nếu dân chúng vùng Sunāparanta đánh con bằng gậy gộc, thì con nghĩ thế nào về điều ấy?

-- Kính bạch Đức Thế Tôn, nếu dân chúng vùng Sunāparanta đánh con bằng gậy gộc, thì con nghĩ về điều ấy rằng: "Dân chúng vùng Sunāparanta tốt lắm! Dân chúng vùng Sunāparanta còn đối xử tử tế với con lắm! Bởi vì họ không đâm chém con bằng khí giới".

Kính bạch Đức Thế Tôn, về điều ấy, con nghĩ như vậy.

5- Nay Puṇṇa, nếu dân chúng vùng Sunāparanta đâm chém con bằng khí giới, thì con nghĩ thế nào về điều ấy?

-- Kính bạch Đức Thế Tôn, nếu dân chúng vùng Sunāparanta đâm chém con bằng khí giới, thì con nghĩ về điều ấy rằng: "Dân chúng vùng Sunāparanta tốt lắm! Dân chúng vùng Sunāparanta còn đối xử tử tế với con lắm! Bởi vì họ không giết chết con bằng khí giới sắc bén".

Kính bạch Đức Thế Tôn, về điều ấy con sẽ nghĩ như vậy.

6- Nay Puṇṇa, nếu dân chúng vùng Sunāparanta giết chết con bằng khí giới sắc bén, thì con nghĩ thế nào về điều ấy?

-- Kính bạch Đức Thế Tôn, nếu dân chúng vùng Sunāparanta giết chết con bằng khí giới sắc bén, thì con nghĩ về điều ấy rằng: "Thanh Văn đệ tử của Đức Phật nhàm chán sắc thân ô trọc, mạng

sống khổ đau này, nên tìm khí giới huỷ hoại sanh mạng, còn con không cần phải đi tìm khí giới, mà có người đến huỷ hoại sanh mạng của con rồi".

Kính bạch Đức Thế Tôn, về điều ấy, con nghĩ như vậy.

Nghe vậy, Đức Thế Tôn ca tụng Ngài Punṇa bằng lời:

-- Sādhū! Sādhū! Lành thay! Lành thay. Con có đức tính nhẫn nại, tâm vô sân đập tắt mọi ác pháp. Nay Punṇa, con có thể đi đến ở vùng Sunāparanta được.

Được Đức Phật cho phép, Ngài Punṇa lên đường đi đến vùng Sunāparanta ở hành đạo, Ngài tiến hành thiền tuệ chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán, tịch diệt Niết Bàn, chấm dứt tử sanh luân hồi trong ba giới bốn loài.

Qua tích Đại Đức Punṇa có đức tính nhẫn nại, nên dù bất cứ đối tượng xấu nào, nghịch cảnh, nghịch duyên nào, Ngài vẫn giữ vững đại thiện tâm trong sạch, có vô sân tâm sở hỗ trợ, giữ gìn sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an lạc cho mình.

Trong đời, người ta đối xử tốt hoặc xấu với mình như thế nào, là quyền của người ta; còn ta nên có đức tính nhẫn nại, có trí tuệ sáng suốt, chọn lựa tạo thiện nghiệp mà tránh ác nghiệp, để cho đại thiện tâm phát sanh, đồng thời làm cho ác tâm bị diệt, đó chính là quyền của mình. Như vậy, ta giữ gìn được sự lợi ích, sự tiến hoá trong mọi thiện pháp, sự an lạc lâu dài.

Đức tính nhẫn nại không gây oan trái

Oan trái là một điều đáng kinh sợ trong vòng tử sanh luân hồi của mỗi chúng sinh.

Sự oan trái lẫn nhau giữa đôi bên: Người này gây oan trái với người kia và ngược lại, người kia gây oan trái với người này; người này trả thù người kia, rồi người kia trả thù lại người này. Cứ như thế, sự oan trái lẫn nhau từ đời này sang kiếp khác, mỗi khi gặp lại nhau, nối tiếp kéo dài đến vô chung.

Sự oan trái một bên: Như trường hợp những tiền thân của Tỳ khuru Devadatta gây oan trái với những tiền thân của Đức Phật, qua nhiều đời nhiều kiếp. Cho đến kiếp chót của Đức Phật, Tỳ khuru Devadatta vẫn tìm mọi cách để sát hại Đức Phật; nhưng điều ấy không bao giờ có thể xảy ra, bởi vì không có một ai có thể sát hại Đức Phật được; chắc chắn Đức Phật tịch diệt Niết Bàn theo hết tuổi thọ của Ngài.

Chúng sinh thấy rõ sự oan trái là điều đáng kinh sợ trong vòng tử sanh luân hồi của mình, cho nên không còn muốn gây oan trái với nhau, đó là điều tốt hơn hết. Người có đức tính nhẫn nại là người không gây oan trái với tất cả chúng sinh. Nếu người khác gây oan trái với ta, thì ta làm thế nào để giải oan trái?

Trong tích Kālayakkhinīvaṭṭhu Đức Phật thuyết dạy bài kệ rằng:

*"Na hi verena verāni,
Sammaṭṭha kudācanaṃ.
Averena ca sammaṭṭi,
Esa dhammo sanantaṇo".*

(Dhammpadaṭṭhakathā, kệ thứ 5, tích Kālayakkhinīvaṭṭhu)

(Sự thật trong đời này,
Chẳng bao giờ oan trái,
Đập tắt bằng oan trái.
Oan trái dập tắt được,
Bằng sự không oan trái,
Đây thật sự là pháp,
Bậc trí tự ngàn xưa).

Thật vậy, những đồ dơ bẩn không thể rửa sạch bằng thứ nước dơ bẩn, mà chỉ có thể rửa sạch bằng thứ nước trong sạch mà thôi. Cũng như vậy, người ác này chửi rửa, mắng nhiếc, hăm dọa, đánh đập người kia... đã gây oan trái với người kia; nếu người kia lại chửi rửa, mắng nhiếc, hăm dọa, đánh đập trả đũa lại người ác này một cách tàn nhẫn hơn, hòng dập tắt oan trái, thì chẳng những không dập tắt được oan trái, mà còn gây thêm sự oan trái lâu dài, càng chồng chất thêm nhiều nữa.

Sự thật, oan trái không bao giờ dập tắt được bằng sự oan trái. Bậc Thiện trí có đức tính nhẫn nại, có tâm từ, tâm không oan trái với tất cả chúng sinh, mới có thể dập tắt được sự oan trái.

Thắng rồi không bại

Trong đời này, người chiến thắng thường gây oan trái; còn kẻ chiến bại lại ngủ không yên giấc, bởi vì mưu tính việc trả thù. Cho nên, thường xảy ra thắng rồi lại bại, hoặc bại rồi lại thắng. Đó là do không có đức tính nhẫn nại.

Làm thế nào để thắng rồi không bị bại trở lại?

Bậc Thiện trí tự thắng phiền não trong tâm của mình rồi, không bị bại trở lại, đó mới thật là chiến thắng vinh quang nhất.

Tự thắng phiền não: tham, sân, si... trong tâm của mình, như Đức Phật dạy cận sự nữ Uṭṭarā bằng bài kệ rằng:

*"Akkodhena jine kodham,
Asādhum sādhunā jine.
Jine kadariyaṃ dānena,
Sacce nāli kavādinam".*

(Bộ Dhammapadaṭṭkathā, bài kệ số 223, tích Uṭṭarā upāsikāvaṭṭhu)

(Này, con Uṭ-ṭa-rā!
Thắng được người sân hận,
Bằng tâm không sân hận.
Thắng được người độc ác,
Bằng thiện pháp cao thượng.
Thắng được người keo kiệt,
Bằng phước thiện bố thí.
Thắng được người nói dối,
Bằng lời nói chân thật).
Đó là cách thắng rồi không bị bại trở lại.

Pháp không nhẫn nại, pháp nhẫn nại thuộc loại tâm nào?

Pháp không nhẫn nại (akkhanti) thuộc về loại **sân tâm sở** (adosacetasika) đồng sanh trong sân tâm, thuộc loại ác tâm, có trạng thái nóng nảy, khổ tâm.

1) Pháp không nhẫn nại: thuộc về loại sân tâm sở (dosacetasika).

Sân tâm sở đồng sanh trong tâm sân, thuộc loại ác tâm, có trạng thái sân hận, nóng nảy, tự làm khổ mình. Nếu tâm sân có năng lực, thì có thể làm hại đối tượng là người hoặc vật không hài lòng.

Sân tâm sở có 4 tính chất là:

- 1- Có trạng thái thô bạo với đối tượng.
- 2- Có phân sự làm cho tâm của mình nóng nảy, làm khổ mình và làm khổ người khác.
- 3- Làm hại đối tượng là quả.
- 4- Có 10 điều thù oán là nguyên nhân gần, để phát sanh sân tâm sở đồng sanh với sân tâm.

Tâm sân phát sanh do nguyên nhân thù oán, có 10 điều là:

- 1- Thù oán do nghĩ rằng: người này đã từng làm hại ta.
- 2- Thù oán do nghĩ rằng: người này đang làm hại ta.
- 3- Thù oán do nghĩ rằng: người này sẽ làm hại ta.
- 4- Thù oán do nghĩ rằng: người này đã từng làm hại người thân của ta.
- 5- Thù oán do nghĩ rằng: người này đang làm hại người thân của ta.
- 6- Thù oán do nghĩ rằng: người này sẽ làm hại người thân của ta.
- 7- Thù oán do nghĩ rằng: người này đã từng giúp đỡ kẻ thù của ta.
- 8- Thù oán do nghĩ rằng: người này đang giúp đỡ kẻ thù của ta.
- 9- Thù oán do nghĩ rằng: người này sẽ giúp đỡ kẻ thù của ta.
- 10- Tức giận trong những trường hợp bất trắc: đi đập nhằm vỏ chuối trượt té, đi vấp cục đá té đau, v.v....

Đó là những nguyên nhân gần làm cho tâm sân phát sanh, làm khổ mình và có thể làm khổ đến người khác. Tuy nhiên, xét về những nguyên nhân xa từ quá khứ làm nhân phát sanh sân tâm, có 5 chi pháp:

- 1- Người có tính hay sân hận, bực tức.
- 2- Suy nghĩ nông cạn.
- 3- Người thất học, ít hiểu biết về thiện pháp, ác pháp.
- 4- Gặp phải đối tượng không hài lòng.
- 5- Gặp phải điều thù oán (trong 10 điều thù oán).

Đó là những nguyên nhân gần, nguyên nhân xa để phát sanh sân tâm.

Người nào thường phát sanh tâm sân, người ấy rất khổ tâm, tâm bực tức, nóng nảy, làm cho bộ mặt dữ tợn, trông đáng ghê tởm, đáng sợ, và còn làm cho những người gần gũi phải bị liên lụy. Nếu tâm sân đến mức nóng nảy, điên cuồng, thì có thể làm hại đến đối tượng vật hoặc người không hài lòng ấy, gây ra những thiệt hại hoặc tội ác. **Tâm sân thường phát sanh** đến người nào, người ấy tâm cảm thấy nóng nảy, **sắc thân** bị thiêu đốt làm cho **mau già, da dễ sần sùi, khô khan, thân hình xấu xí, dễ sanh bệnh hoạn**. Khi người khác gần gũi với người hay sân ấy, cảm thấy nóng nảy, khó chịu, muốn xa lánh.

Người nào tạo ác nghiệp do năng lực của tâm sân, người ấy sau khi chết, do ác nghiệp ấy cho quả bị sa đọa trong cõi địa ngục, chịu khổ do ác nghiệp của mình đã tạo; đến khi mãn nghiệp ở địa ngục, do thiện nghiệp nào khác cho quả nếu được **tái sanh** làm người, thì người ấy sẽ là người có thân hình xấu xí, trông đáng ghê tởm, bởi ác nghiệp do sân tâm, không nhẫn nại ấy còn dư sót, cho **quả sau khi đã tái sanh**, ít người muốn gần gũi, thân thiện với người ấy.

*** Nhân sanh sân tâm**

Tâm sân phát sanh do 2 nhân duyên:

- Ayonisomanasikāra: si mê không hiểu rõ biết rõ thực tánh của danh pháp, sắc pháp, không hài lòng nơi đối tượng.
- Pa.ṭighanimittā: đối tượng thù nghịch làm phát sanh sân tâm.

*** Nhân diệt sân tâm**

Tâm sân bị diệt do 2 nguyên nhân là:

- Yonisomanasikāra: trí tuệ hiểu biết rõ thực tánh của danh pháp, sắc pháp trong tam giới, hoặc biết rõ đối tượng chúng sinh đáng thương yêu.
- Mettacetovimuttā: tiến hành thiền định, niệm rải tâm từ đến tất cả chúng sinh, không phân biệt bạn với kẻ thù, để chúng đắc đến cận định và các bậc thiền sắc giới (trừ bậc đệ ngũ thiền sắc giới).

*** Các pháp để diệt sân tâm**

Sáu pháp để diệt sân tâm:

- 1- Học hiểu rõ đề mục niệm rải tâm từ cho mình và đến tất cả chúng sinh, không phân biệt bạn và kẻ thù. Đó là pháp có thể diệt được sân tâm.
- 2- Tiến hành thiền định đề mục niệm rải tâm từ cho mình và đến tất cả chúng sinh, không phân biệt bạn và kẻ thù. Đó là pháp có thể diệt được sân tâm
- 3- Quán xét mọi chúng sinh có nghiệp là của riêng mình. Hành giả tự dạy mình rằng: Ta thù hận người ấy, ta có thể phá hoại được mọi thiện pháp của người ấy được hay không? Hay ta chỉ phá hoại mọi thiện pháp của ta mà thôi. Người nào có tâm sân hận phát sanh, giận dữ người khác; người ấy tự làm khổ cả tâm lẫn thân của mình trước, rồi mới làm khổ đến người khác sau; chỉ có thể làm khổ thân người khác, còn có làm khổ tâm người khác được hay không, hoàn toàn tùy thuộc vào sự hiểu biết của họ. Đó là pháp có thể diệt được sân tâm.
- 4- Biết quán xét về nghiệp rằng: Người nào tạo thiện nghiệp hoặc ác nghiệp, người ấy sẽ thọ hưởng quả của thiện nghiệp hoặc ác nghiệp; nếu ta tạo ác nghiệp, thì ta phải chịu quả khổ của ác nghiệp ấy. Đó là pháp có thể diệt được sân tâm.
- 5- Gần gũi, thân cận với các bậc thầy khả kính để nương nhờ, học hỏi về pháp hành thiền định, đề mục niệm rải tâm từ. Đó là pháp có thể diệt được sân tâm.
- 6- Lời nói thuận lợi: nói về pháp hành, đề mục niệm rải tâm từ, quả báu của pháp hành niệm rải tâm từ. Đó là pháp có thể diệt được sân tâm.

*** Nhân sanh bất thiện tâm hoặc ác tâm**

Bất thiện tâm hoặc ác tâm, đó là tham tâm, sân tâm và si tâm; những bất thiện tâm này phát sanh do 5 nhân duyên:

- 1- Không tích lũy được nhiều phước thiện từ kiếp trước.
- 2- Sinh sống nơi chốn không có bậc Thiện trí.
- 3- Không được gần gũi, thân cận với bậc Thiện trí.
- 4- Không được nghe chánh pháp của bậc Thiện trí.
- 5- Tâm hiểu biết sai lầm, không đúng theo chánh pháp.

Năm nhân duyên này có liên quan với nhau.

Do không tích lũy được nhiều phước thiện từ nhiều đời, nhiều kiếp trong quá khứ, nên tái sinh ở nơi chốn không có bậc Thiện trí, không được gần gũi, thân cận với bậc Thiện trí, không được nghe chánh pháp của bậc Thiện trí, không hiểu biết rõ thiện pháp, ác pháp, phước thiện, tội ác, v.v... do tâm si mê không hiểu biết đúng theo chánh pháp; cho nên, tâm hiểu biết sai lầm, làm nhân duyên phát sanh mọi bất thiện tâm hoặc ác tâm, tạo nên mọi nghiệp ác, do bởi thân, khẩu, ý tự làm khổ mình, làm khổ người, tự làm khổ cả mình lẫn người, cả trong kiếp hiện tại lẫn nhiều kiếp vị lai.

Xét trong 5 nhân duyên này, nhân duyên thứ nhất thuộc về tiền kiếp quá khứ, còn 4 nhân duyên sau thuộc trong kiếp hiện tại. Nếu người nào biết tìm đến gần gũi, thân cận với bậc Thiện trí, lắng nghe chánh pháp, thì người ấy có thể thay đổi được tâm tính, cải ác tòng thiện, cải tà quy chánh. Kể từ đó, người ấy có thể tiến hoá trong mọi thiện pháp, nâng đỡ họ trở thành con người cao thượng.

2) Pháp nhẫn nại: thuộc về loại vô sân tâm sở.

Vô sân tâm sở (adosacetasika) đồng sanh trong thiện tâm, có trạng thái không sân hận, tâm mát mẻ, không tự làm khổ mình, không làm khổ người và không tự làm khổ cả mình lẫn người.

Vô sân tâm sở có 4 tính chất là:

- 1- Có trạng thái không bức tức, không nóng giận.
- 2- Có phận sự diệt tâm sân hận, thù oán.
- 3- Tâm mát mẻ an lạc là quả.
- 4- Có trí tuệ hiểu biết đúng thực tánh của các pháp là nguyên nhân gần để phát sanh vô sân tâm sở đồng sanh trong thiện tâm.

Người nào có thiện tâm, có vô sân tâm sở nhiều năng lực, thì thân tâm của người ấy thường được mát mẻ an lạc, giúp giữ gìn duy trì sắc thân được trẻ trung, lâu già, được phần đông mọi người yêu thương, kính mến. Mỗi khi người ta gần gũi, thân cận với người vô sân, nhẫn nại ấy, họ có cảm giác mát mẻ an lạc.

Pháp nhẫn nại là vô sân tâm sở đồng sanh trong thiện tâm, tạo nên thiện nghiệp, có tính chất đặc biệt, sau khi chết, nếu thiện nghiệp ấy cho quả tái sinh làm người, thì người ấy sẽ là người rất xinh đẹp tuyệt vời, đáng chiêm ngưỡng, được phần đông mọi người thương yêu, kính mến, ai ai cũng muốn gần gũi, thân cận với người ấy.

*** Nhân sanh thiện tâm**

Thiện tâm phát sanh do 5 nhân duyên là:

- 1- Đã tích lũy được nhiều phước thiện từ nhiều đời, nhiều kiếp trong quá khứ.
- 2- Sinh sống nơi chốn có nhiều bậc Thiện trí.
- 3- Được gần gũi, thân cận với bậc Thiện trí.

- 4- Được lắng nghe chánh pháp của bậc Thiện trí.
- 5- Thiện tâm hiểu biết đúng đắn theo chánh pháp.

Năm nhân duyên này có liên quan với nhau.

Do tích lũy được nhiều phước thiện từ nhiều đời, nhiều kiếp trong quá khứ, nên được tái sanh ở nơi chốn có nhiều bậc Thiện trí, có được cơ hội gần gũi, thân cận với bậc Thiện trí, được lắng nghe chánh pháp của bậc Thiện trí; cho nên, thiện tâm hiểu biết rõ thiện pháp, ác pháp, phước thiện, tội ác, v.v... trí tuệ hiểu biết đúng theo chánh pháp, làm duyên lành phát sanh mọi thiện tâm, tạo mọi thiện nghiệp do thân, khẩu, ý đem lại sự lợi ích cho mình, cho người, cho cả mình lẫn người, cả trong kiếp hiện tại lẫn nhiều kiếp vị lai.

Trong 5 nhân duyên này, nhân duyên thứ nhất thuộc về thiện nghiệp từ những kiếp quá khứ, còn 4 nhân duyên sau thuộc trong kiếp hiện tại.

Lợi ích của sự diệt sân tâm

Đức Thế Tôn ngự tại ngôi chùa Veluvana gần kinh thành Rājagaha, Ngài thuyết bài kinh Dhanañjāṇīsutta (Saṃyuttanikāya, Sagāthavagga, kinh Dhanañjāṇīsutta), có một đoạn nói về Bà la môn Bhāradvāja muốn đến tranh tài, đấu khẩu với Đức Thế Tôn bằng cách đặt một câu hỏi. Ông nghĩ có hai cách trả lời và cách nào cũng đưa Đức Thế Tôn vào thế bí. Nhưng Đức Thế Tôn đã không trả lời theo những cách như ông Bà la môn nghĩ. Ông Bà la môn Bhāradvāja hỏi Đức Thế Tôn bằng bài kệ rằng:

Bạch Sa môn Gotama! Người diệt được gì rồi?
Nên ngủ được an lạc. Người diệt được gì rồi?
Không còn sầu não nữa. Sa môn Go-ṭa-ma,
Hài lòng diệt pháp gì? Cho là pháp đệ nhất?

Đức Thế Tôn giải đáp rằng:

Này ông Bà la môn,
Người diệt sân tâm rồi, nên ngủ được an lạc.
Diệt được sân tâm rồi, không còn sầu não nữa.
Này ông Bà la môn! Chư bậc Thánh trong đời,
Thường tán dương, ca tụng, diệt sân tâm nóng nảy,
Có tính chất đặc biệt, gốc độc [*], nhưng ngọn ngọt [*].
Người diệt sân tâm rồi, không còn sầu khổ nữa.

[*] *Gốc độc (visamūlassa): nghĩa là sân tâm Uztao ác nghiệp cho quả khổ ví như chất độc.*

Ngọn ngọt (madhuraggassa): nghĩa là chửi rửa, mắng nhiếc, đánh đập trả đũa lại người,... trả thù được rồi cảm thấy thoải mái ví như ngọn có vị ngọt.

Khi Đức Thế Tôn thuyết giảng bài kệ xong, ông Bà la môn bạch rằng:

-- Kính bạch Đức Gotama, lời dạy của Ngài rõ ràng quá! Kính bạch Đức Gotama, lời dạy của Ngài rõ ràng quá!

Đức Gotama thuyết giảng bằng nhiều pháp khác nhau, ví như lật ngửa vật bị che đậy hoặc mở ra vật bị đóng chặt hoặc chỉ đường cho người lạc lối hoặc rọi đèn soi sáng vào nơi tăm tối, để cho người có đôi mắt sáng được nhìn thấy rõ tất cả mọi vật hiện hữu._

-- Con nguyện đem hết lòng thành kính xin quy y, nương nhờ nơi Đức Gotama, Đức Pháp, Đức Tăng. Kính xin Đức Gotama cho phép con được xuất gia thọ Sa di, thọ Tỳ khuru nơi Ngài.

Đức Thế Tôn cho phép Bà la môn Bhāradvāja thọ Sa di, thọ Tỳ khuru. Sau khi trở thành Tỳ khuru không lâu, Tỳ khuru Bhāradvāja hoan hỉ sống một mình nơi thanh vắng, không dễ duôi, tiến hành thiền tuệ, chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả, trở thành bậc Thánh A-ra-hán, trí tuệ thấy rõ biết rõ đã hoàn thành xong mọi phận sự Tứ thánh đế, đã hoàn thành xong phạm hạnh cao thượng, trí tuệ biết rõ kiếp này là kiếp chót, sẽ tịch diệt Niết Bàn, chấm dứt tử sanh luân hồi trong ba giới bốn loài.

Không nhận lời chửi mắng

Trong bài kinh Akkosakasutta (Samyuttanikāya, Sagāthavagga, kinh Akkosakasutta) được tóm lược như sau:

Một thuở nọ, Đức Thế Tôn ngự tại ngôi chùa Veluvana gần kinh thành Rājagaha. Khi hay tin người anh là Bhāradvāja đã xuất gia trở thành Tỳ khuru nơi Đức Thế Tôn, ông Bà la môn Akkosaka nổi giận, khổ tâm đến gặp Đức Thế Tôn chửi rửa, mắng nhiếc, hăm dọa Ngài bằng những lời thô tục, không phải lời của bậc Thiện trí. Ông Bà la môn tạo ác nghiệp bằng khẩu: lời nói thô tục, chửi rửa, mắng nhiếc, hăm dọa.... Nghe vậy, Đức Thế Tôn bèn hỏi ông Bà la môn rằng:

-- Này Bà la môn Akkosaka, ông nghĩ thế nào về điều này, những thân hữu, các quan lại hoặc thân quyến là những người khách, có khi nào họ đến nhà của ông không?

-- Thưa Sa môn Gotama, những thân hữu, các quan lại hoặc thân quyến là những người khách, có khi họ đến nhà của tôi.

Đức Thế Tôn hỏi tiếp rằng:

-- Này Bà la môn, ông có sửa soạn các món ăn, thức uống để tiếp đãi những người khách là thân hữu, quan lại, hoặc thân quyến của ông hay không?

-- Thừa Sa môn Goṭama, khi ấy tôi sửa soạn các món ăn, thức uống để tiếp đãi những khách quý là thân hữu, quan lại, hoặc thân quyến của tôi.

-- Nay ông Bà la môn, nếu những người khách ấy, là thân hữu, quan lại hoặc thân quyến không dùng, thì các món ăn, thức uống ấy sẽ thuộc về ai vậy?

-- Thừa Sa môn Goṭama, nếu những người khách quý là thân hữu, quan lại hoặc thân quyến không dùng thì các món ăn, thức uống ấy chắc chắn sẽ vẫn là của tôi như trước.

-- Nay ông Bà la môn, cũng tương tự như vậy, ông chửi rửa, mắng nhiếc, hăm dọa Như Lai, mà Như Lai không chửi rửa, mắng nhiếc, hăm dọa trả lại ông; ông giận Như Lai, mà Như Lai không giận trả lại ông; ông cố tâm chọc tức Như Lai, mà Như Lai không chọc tức trả lại ông. Như Lai hoàn toàn không nhận điều gì (lời chửi mắng...) của ông. Nay ông Bà la môn, như vậy, những điều ấy (lời chửi mắng...) chỉ thuộc về một mình ông mà thôi. Nay ông Bà la môn, người nào chửi mắng trả lại người đã chửi mắng mình; người nào nổi giận trả lại người đã nổi giận mình; người nào cố tâm chọc tức trả lại người đã chọc tức mình,... Như Lai gọi người ấy là người cùng chung hưởng với nhau; còn Như Lai không cùng chung hưởng với ông; không cùng ăn thua với ông. Nay ông Bà la môn, như vậy, những điều ấy (lời chửi mắng...) chỉ thuộc về một mình ông mà thôi. Đức Thế Tôn thuyết dạy bài kệ rằng:

Này ông Bà la môn!

Người nào diệt tâm sân, không còn nóng giận nữa,

Sống an nhiên tự tại, giải thoát khỏi khổ tâm,

Vì chứng ngộ chân lý, dập tắt mọi phiền não,

Tâm sân hận từ đâu, mà phát sanh lên được?

Người nào hay nổi giận, trả thù kẻ giận mình,

Người ấy thấp hèn hơn, kẻ giận mình gấp bội.

Người không giận trả đũa, với kẻ đã giận mình,

Gọi là người chiến thắng [*], mà người thường khó thắng.

Người nào biết ai giận, có chánh niệm giữ mình,

Dập tắt mọi phiền não, người ấy gọi là người,

Thực hành pháp nhẫn nại, giữ gìn sự lợi ích,

Cho mình và cho người, cả hai đều cùng lợi.

Người giữ gìn lợi ích, cả cho mình lẫn người.

Những người không trí tuệ, không biết rõ thiện pháp.

Hiểu lầm người ấy rằng: "Một hạng người khờ dại".

[] Chiến thắng được phiền não của mình*

Khi Đức Thế Tôn thuyết dạy xong, Bà la môn Akkosaka thành kính bạch rằng:

-- Kính bạch Đức Gotama, lời dạy của Ngài rõ ràng quá!

Kính bạch Đức Gotama, lời dạy của Ngài rõ ràng quá!

Sau khi tán dương, ca tụng Đức Thế Tôn, ông Bà la môn Akkosaka phát sanh đức tin trong sạch, rồi xin quy y nương nhờ nơi Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng, và kính xin Đức Thế Tôn cho phép ông được xuất gia thọ Sa di, thọ Tỳ khuru nơi Ngài.

Đức Thế Tôn cho phép ông Bà la môn Akkosaka xuất gia trở thành Tỳ khuru, theo như ý nguyện. Sau khi trở thành Tỳ khuru không lâu, Tỳ khuru Akkosaka hoan hỉ sống một mình nơi thanh vắng, không dễ duôi, tiến hành thiền tuệ, chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả, trở thành bậc Thánh A-ra-hán cao thượng trong giáo pháp của Đức Phật Gotama.

Biết nhẫn nại là thắng

Trong bài kinh Asurindakasutta (Samyuttanikāya, Sagāthavagga, kinh Asurindakasutta) được tóm lược như sau:

Một thuở nọ, Đức Thế Tôn ngự tại ngôi chùa Veluvana gần kinh thành Rājagaha. Khi hay tin hai người anh là Bhāradvāja và Akkosaka đã xuất gia trở thành Tỳ khuru nơi Đức Thế Tôn, ông Bà la môn Asurindaka nổi giận, khỏ tâm, đến gặp Đức Thế Tôn, chửi rửa, mắng nhiếc, hăm dọa Ngài bằng những lời thô tục, không phải lời của bậc Thiện trí.

Mặc dù ông Bà la môn Asurindaka nói lời thô tục, chửi rửa, mắng nhiếc, hăm dọa như vậy, nhưng Đức Thế Tôn nhẫn nại, Ngài vẫn im lặng.

Khi ấy, ông Bà la môn Asurindaka tuyên bố với Đức Thế Tôn rằng:

-- Sa môn Gotama, tôi đã thắng Sa môn rồi! Sa môn Gotama, tôi đã thắng Sa môn rồi!

Đức Thế Tôn thuyết dạy bằng bài kệ rằng:

Này ông Bà la môn!

Người nói lời thô tục, với người khác lặng im,

Không đối đáp trả lại, tự cho mình đã thắng.

Bậc Thiện trí cao thượng, nhẫn nại là tối thắng,
Người nào hay nổi giận, trả thù kẻ giận mình,
Người ấy thấp hèn hơn, kẻ giận mình gấp bội,
Người không giận trả đũa, với kẻ đã giận mình,
Gọi là người chiến thắng, mà người thường khó thắng.
Người nào biết ai giận, có chánh niệm giữ mình,
Dập tắt mọi phiền não, người ấy gọi là người,
Thực hành pháp nhẫn nại, giữ gìn sự lợi ích,
Cho mình và cho người, cả hai bên cùng lợi.
Người giữ gìn lợi ích, cả cho mình lẫn người,
Những người không trí tuệ, không biết rõ thiện pháp,
Hiểu lầm người ấy rằng: "Một hạng người khờ dại".

Lắng nghe lời dạy của Đức Thế Tôn, ông Bà la môn vô cùng hoan hỉ tán dương, ca tụng Ngài, ông phát sanh đức tin trong sạch, rồi xin quy y nương nhờ nơi Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng và kính xin Đức Phật cho phép ông được xuất gia thọ Sa di, thọ Tỳ khuru nơi Ngài.

Đức Thế Tôn cho phép ông Bà la môn Asurindaka xuất gia trở thành Tỳ khuru theo như ý nguyện. Sau khi trở thành Tỳ khuru không lâu, Tỳ khuru Asurindaka hoan hỉ sống một mình nơi thanh vắng, không dễ duôi, tiến hành thiền tuệ, chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả, trở thành bậc A-ra-hán cao thượng trong giáo pháp của Đức Phật Gotama.

Nhẫn nại được lợi ích cao thượng

Trong bài kinh Vepacittisutta được tóm lược như sau:

Một thuở nọ, Đức Thế Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana gần kinh thành Sāvatthi, Ngài dạy chư Tỳ khuru rằng:

-- Nay chư Tỳ khuru, sự việc đã từng xảy ra, trong cuộc chiến tranh giữa nhóm chư thiên cõi Tam thập tam thiên với nhóm thiên Asurā, để tranh giành ưu thế ở cõi Tam thập tam thiên.

(Asurā có 3 hạng: 1- Deva Asurā: hạng thiên Asurā ở phía dưới cõi Tam thập tam thiên. 2- Petti Asurā: nhóm ngạ quỷ Asurā. 3- Niraya Asurā: nhóm địa ngục Asurā.)

Nay chư Tỳ khuru, khi ấy thống tướng Vepacitti là chủ soái nhóm thiên Asurā truyền lệnh rằng: "Này các binh tướng, cuộc chiến tranh giữa Asurā chúng ta với nhóm chư thiên cõi Tam thập tam thiên, nếu chúng ta thắng, còn nhóm chư thiên bại, thì các ngươi hãy bắt Đức vua Sakka cầm đầu nhóm chư thiên, trói chặt năm chỗ (hai tay, hai chân và cổ) rồi giải về kinh thành của ta".

-- Và nay chư Tỳ khuru, cùng khi ấy, Đức vua Sakka cầm đầu nhóm chư thiên cõi Tam thập tam thiên cũng truyền lệnh rằng: "Này chư thiên tướng, cuộc chiến tranh giữa chư thiên chúng ta với nhóm thiên Asurā, nếu chúng ta thắng, còn nhóm thiên Asurā bại, thì các ngươi hãy bắt thống tướng Vepacitti, chủ soái nhóm thiên Asurā, trói chặt năm chỗ rồi giải về hội trường Sudhammasabhā, tại cung Tam thập tam thiên của ta".

Nay chư Tỳ khuru, cuộc chiến lần đó, nhóm chư thiên thắng, còn nhóm thiên Asurā bị bại, chư thiên cõi Tam thập tam thiên bắt thống tướng Vepacitti, chủ soái nhóm thiên Asurā, trói chặt năm chỗ, giải về hội trường Sudhammasabhā, ở cung Tam thập tam thiên của Đức vua Sakka.

Này chư Tỳ khuru, khi thống tướng Vepacitti bị trói ở giữa hội trường, y đã chửi rửa, mắng nhiếc, hăm dọa Đức vua Sakka bằng những lời thô tục, không phải lời của bậc Thiện trí.

Này chư Tỳ khuru, khi ấy vị thiên nam Mātali, hầu cận Đức vua Sakka tâu bằng bài kệ rằng:

Thần muôn tâu Bệ hạ!

Đức vua trời Sak-ka, có uy lực phi thường,
Mà nghe lời thô tục, chửi mắng và hăm dọa,
Của Ve-pa-ci-ti, chủ soái A-su-rā,
Nhẫn nại được như vậy, vì sợ hay yếu hèn?

Đức vua trời Sakka truyền dạy rằng:

Trẫm có đức nhẫn nại, giữ gìn tính cao thượng,
Chịu đựng lời thô tục, của soái A-su-rā,
Không phải vì sợ hãi, cũng không phải yếu hèn,
Bậc Thiện trí như trẫm, sao đáp lại kẻ ác.

Vị thiên nam Mātali tâu:

Thần muôn tâu Bệ hạ!

Bệ hạ không trừng phạt, kẻ ác càng lộng hành,
Tạo thêm nhiều tội ác, làm khổ não cho nhau.
Vì vậy người có quyền, phải trừng trị kẻ ác,
Bằng hình phạt nặng nề, để răn dạy kẻ khác.

Đức vua trời Sakka truyền dạy:

Biết người khác nổi giận, ta nên có chánh niệm,
Có trí tuệ biết mình, dập tắt mọi phiền não,
Giữ thâm tâm an tịnh, như những bậc Thiện trí,
Chính là cách hình phạt nặng nề với kẻ ác.

Vị thiên nam Mātali tâu:

Thần muôn tâu Bệ hạ!

Hạ thần xét thấy rằng: đức tính nhẫn nại ấy,
Với kẻ ác cho rằng: vì sợ nên nhẫn nại,
Kẻ ác càng lộng hành, đàn áp bậc Thiện trí,
Ví như bò thắng trận, đuổi theo bò bại trận.

Đức vua trời Sakka truyền dạy:

Kẻ ác tự cho rằng: người ấy có nhẫn nại,
Vì sợ ta hay không, điều ấy không quan trọng.
Trong tất cả lợi ích, lợi cho mình đệ nhất.
Lợi ích hơn nhẫn nại, không thể có trong đời!
Người nào có quyền lực, mà nhẫn nại người yếu, Đức nhẫn nại người ấy, bậc Thiện trí tán dương.
Người có đức nhẫn nại, đức tính cao thượng nhất.
Người yếu đuổi nhẫn nhục, với người chức quyền cao,

Là việc thường trong đời, có gì đáng ca tụng.
Bậc Thiện trí dạy rằng: sức mạnh của kẻ ác,
Đàn áp kẻ yếu hèn, không có gì đáng khen!
Người nói lời thô tục, với tâm sân giận dữ,
Không thể làm lay động, tâm của người hô pháp.
Người giận lại kẻ giận, tội ác hơn gấp bội.
Bậc không giận kẻ giận, giữ đức tính nhẫn nại,
Gọi là bậc chiến thắng, mà người thường khó thắng.
Người nào biết ai giận, có chánh niệm giữ mình,
Dập tắt mọi phiền não, người ấy gọi là người,
Thực hành pháp nhẫn nại, giữ gìn sự lợi ích,
Cho mình và cho người, cả hai đều có lợi.
Người giữ gìn lợi ích, cả cho mình lẫn người,
Những người không trí tuệ, không biết rõ chánh pháp,
Hiểu lầm người ấy rằng: "Một hạng người khờ dại".

Sau đó, Đức Thế Tôn dạy rằng:

-- Nay chư Tỳ khuru, Đức vua trời Sakka trị vì cõi Tam thập tam thiên, hưởng sự an lạc trên ngai vàng nơi cung trời ấy, do quả của phước thiện mà Đức vua Sakka đã tạo ở tiền kiếp trong quá khứ.

Nay chư Tỳ khuru, các con đã xuất gia trở thành Tỳ khuru trong giáo pháp của Như Lai, các con phải là người có giới hạnh trong sạch, có hành vi, cử chỉ trang nghiêm, có đức tính nhẫn nại. Như vậy sẽ giúp cho các con tiến hoá tốt đẹp trong giáo pháp của Như Lai.

Pháp hành trở thành Đức vua Sakka

Ngôi vị Đức vua trời Sakka trị vì cõi Tam thập tam thiên, không phải do một vị nào truyền ngôi, hoặc được tấn phong; sự thật là do quả báu của phước thiện, pháp hành mà Đức vua trời đã tạo trong những kiếp quá khứ.

Những pháp hành nào để trở thành Đức vua Sakka?

Trong kinh Paṭhamadevasutta (Saṃyuttanikāya, Sagāṭhavagga, kinh Paṭhamadevasutta) tóm lược như sau:

Một thuở nọ, Đức Thế Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana gần kinh thành Sāvattṭhi, Ngài dạy rằng:

-- Nay chư Tỳ khuru, tiền kiếp của Đức vua trời Sakka trị vì cõi Tam thập tam thiên, khi sanh làm người đã từng thọ trì đầy đủ 7 pháp hành, sau khi chết, do nhờ phước thiện của 7 pháp hành ấy cho quả hoá sanh lên cõi Tam thập tam thiên, ở ngôi vị Đức vua trời Sakka.

Bảy pháp hành là:

- 1- Ta phụng dưỡng cha mẹ suốt đời.
- 2- Ta cung kính bậc trưởng lão trong dòng họ và trong thế gian suốt đời.
- 3- Ta nói lời êm dịu suốt đời.
- 4- Ta không nói lời đâm thọc, chia rẽ suốt đời.
- 5- Ta không nên có tâm keo kiệt, bủn xỉn trong của cải, là tâm ô nhiễm của người tại gia; ta nên có thiện tâm trong sạch, đem của cải bố thí đến người thọ thí đúng theo nhu cầu của họ; ta nên hoan hỷ làm phước bố thí suốt đời.

6- Ta nói lời chân thật suốt đời.

7- Ta không sân hận suốt đời.

Này chư Tỳ khuru, tiền kiếp của Đức vua trời Sakka, khi sanh làm người đã từng thọ trì nghiêm chỉnh và đầy đủ 7 pháp hành này. Cho nên, sau khi chết, do nhờ phước thiện của 7 pháp hành ấy cho quả hoá sanh làm Đức vua trời Sakka trị vì cõi Tam thập tam thiên".

Những hạng phàm nhân và bậc Thánh Hữu Học: bậc Thánh Nhập Lưu, bậc Thánh Nhất Lai, bậc Thánh Bất Lai vẫn còn bất thiện tâm: tham tâm, sân tâm, si tâm, tùy theo mỗi hạng người. Nhưng tham tâm hoặc sân tâm hoặc si tâm có phát sanh hay không, hoàn toàn tùy thuộc vào nhân duyên của mỗi bất thiện tâm. Nếu hội đủ nhân duyên của bất thiện tâm nào, thì bất thiện tâm ấy mới phát sanh.

Trường hợp tiền kiếp của Đức vua trời Sakka, khi còn ở cõi người là hạng phàm nhân, song ông đã phát nguyện thọ trì 7 pháp hành nghiêm chỉnh và đầy đủ. Do đó, dù có tham tâm, sân tâm, si tâm nhưng không thể phát sanh, vì không đủ nhân duyên. Khi bất thiện tâm không sanh, thì chắc chắn thiện tâm phát sanh.

Đức tính nhẫn nại, tâm không sân hận được rèn luyện từ những tiền kiếp. Cho nên, kiếp hiện tại, là Đức vua trời Sakka khi nghe lời thô tục, chửi rủa, mắng nhiếc, hăm dọa của Vepacitti thống tướng nhóm thiên Asurā, Đức vua Sakka vẫn có đức tính nhẫn nại, tâm sân hận không phát sanh, để giữ gìn sự lợi ích cho mình và cho người.

Sân tâm không sanh chưa hẳn là nhẫn nại.

Trong kinh Kakacūpamāsutta (Majjhimanikāya, Mūlapaṇṇāsa, kinh Kakacūpamāsutta) có một đoạn nói về nữ gia chủ tên Vedehikā tóm lược như sau:

Trong kinh thành Sāvathī, có nữ gia chủ tên Vedehikā, nổi tiếng tốt lành, lan truyền rằng: "Nữ gia chủ Vedehikā là người hiền thực, nữ gia chủ Vedehikā là người khiêm tốn, nữ gia chủ Vedehikā là người trầm tĩnh".

Nữ gia chủ có một đứa trẻ gái tên Kālī, là cô gái siêng năng, cần mẫn, đảm đang trong mọi công việc gia đình, thường thức khuya dậy sớm, sắp đặt nhà cửa thật gọn gàng, sạch sẽ, không thể chê trách được.

Một hôm, đứa trẻ gái Kālī nghĩ rằng: Tiếng tốt lành của bà chủ ta lan truyền: "Nữ gia chủ Vedehikā là người hiền thực, nữ gia chủ Vedehikā là người khiêm tốn, nữ gia chủ Vedehikā là người trầm tĩnh". Như vậy, bà chủ của ta có sân tâm mà không phát sanh hay không có sân tâm. Sở dĩ bà chủ của ta có tâm sân mà không phát sanh, là vì ta siêng năng, cần mẫn, đảm đang, lo mọi công việc gia đình đều chu toàn, không thể chê trách được, chứ không phải không có sân tâm. Vậy, ta nên thử xem bà chủ là người như thế nào?

Sáng hôm sau, cô Kālī thức dậy trễ, nữ gia chủ Vedehikā gọi đứa trẻ gái Kālī lại và nói rằng:

-- Này Kālī, tại sao hôm nay thức dậy trễ, ngươi có bị bệnh gì hay không?

-- Thưa bà chủ, con không bị bệnh gì cả.

-- Này, nếu ngươi không có bệnh gì, thì tại sao ngươi thức dậy trễ? Đứa trẻ gái hừ đốn! Bà chủ Vedehikā nổi giận, mặt mày cau có.

Cô Kālī nghĩ rằng: Bà chủ của ta có tâm sân mà không phát sanh, chứ không phải không có tâm sân. Sở dĩ tâm sân không phát sanh, là vì ta siêng năng, cần mẫn, đảm đang lo mọi công việc gia đình đều chu toàn. Vậy, ta nên thử thêm một lần nữa.

Ngày hôm sau nữa, cô Kālī thức dậy trễ hơn hôm trước, bà chủ Vedehikā gọi tở gái Kālī với giọng bức tức:

-- Này Kālī, tại sao mày lại thức dậy trễ nữa.

-- Thưa bà chủ, không sao cả.

Nghe vậy, bà chủ tức giận, chửi rửa, mắng nhiếc đũa tở gái, bà lấy cây đánh trên đầu đũa tở gái, làm bể đầu, máu chảy xuống mặt, khi ấy người tở gái chạy sang nhà bên cạnh tố cáo rằng:

-- Thưa quý bà con, quý bà con hãy xem hành động của bà chủ Vedehikā mà quý bà con cho là nữ hiền thực, là người khiêm tốn, là người trầm tĩnh đây!

Từ đó về sau, tiếng xấu của nữ gia chủ lan truyền khắp mọi nơi rằng: "Nữ gia chủ Vedehikā là người độc ác, nữ gia chủ Vedehikā là người không khiêm tốn, nữ gia chủ Vedehikā là người không trầm tĩnh".

Qua câu chuyện trên đây, để hiểu rõ tâm sân không phát sanh không hẳn là do nhẫn nại, sở dĩ tâm sân không sanh, là vì chưa gặp đối tượng làm cho bất bình. Nếu khi gặp phải đối tượng làm cho bất bình, không hài lòng, thì tâm sân phát sanh, làm hại mình, hại người.

Sân tâm không sanh do đức tính nhẫn nại

Người nào có đức tính nhẫn nại thật sự, thì dù tiếp xúc với bất cứ đối tượng xấu hoặc tốt như thế nào, người ấy vẫn giữ gìn thiện tâm trong sáng hợp với tính nhẫn nại, nên chắc chắn không bị ảnh hưởng bởi đối tượng xấu hoặc tốt ấy.

Như Đức Phật dạy: Trong đời này, người ta nói với mình có 5 trường hợp:

- 1- Nói hợp thời hay nói không hợp thời.
- 2- Nói thật hay nói không thật.
- 3- Nói lời hoà nhã hay nói lời thô tục.
- 4- Nói lời lợi ích hay nói lời vô ích.
- 5- Nói với tâm từ hay nói với tâm sân.

Đức Phật dạy: Người ta nói hợp thời hay nói không hợp thời; nói thật hay nói không thật; nói lời hoà nhã hay nói lời thô tục; nói lời lợi ích hay nói lời vô ích; nói với tâm từ hay nói với tâm sân; như vậy, dù bất cứ điều nào, các con nên có trí nhớ giữ mình, thực hành như vậy: "Ta vẫn giữ thiện tâm hợp với đức tính nhẫn nại vững chắc, không để bị ảnh hưởng, chi phối bởi đối tượng ấy, ta không nên nói đáp lại bằng lời thô tục, nên tiếp độ người ấy với đức tính nhẫn nại của ta, để giữ gìn sự lợi ích cho mình và cho người, ta không để tâm sân phát sanh, mà nên có tâm từ phát sanh rải đến người ấy và đến khắp tất cả chúng sinh, mọi phương hướng không có giới hạn, cầu mong tất cả chúng sinh không oan trái lẫn nhau, không làm khổ lẫn nhau, cầu mong tất cả chúng sinh được thân tâm an lạc".

Người có đức tính nhẫn nại là người biết gìn giữ sự lợi ích cả cho mình và lẫn người.

Nhân duyên có sắc đẹp

Phàm là phụ nữ, ai ai cũng muốn có sắc đẹp, duyên dáng, dễ thương, song không phải người phụ nữ nào cũng có sắc đẹp, duyên dáng như mình muốn.

Trong đời này, có số phụ nữ xinh đẹp, có số phụ nữ xấu xí. Do nguyên nhân nào lại có số phụ nữ xinh đẹp, duyên dáng, dễ thương và do nguyên nhân nào lại có số phụ nữ xấu xí, vô duyên?

Để hiểu biết rõ nguyên nhân, nên tìm hiểu bài kinh Mallikāsutta (Aṅguttaranikāya, Caṭukanipāṭa, kinh Mallikāsutta), được tóm lược như sau:

Một thuở nọ, Đức Thế Tôn ngự tại chùa Jetavana gần kinh thành Sāvattṭhi. Khi ấy, Chánh cung Hoàng hậu của Đức vua Pasenadi-kosala đến hầu đánh lễ Đức Thế Tôn, bà bạch rằng:

1- Kính bạch Đức Thế Tôn, do nhân nào, duyên nào cho quả, có số phụ nữ trong đời này có da dẻ sần sùi, thân hình xấu xí, nhìn đáng ghê tởm; còn là người nghèo khó, thiếu thốn của cải và có địa vị thấp kém?

2- Kính bạch Đức Thế Tôn, do nhân nào, duyên nào cho quả, có số phụ nữ trong đời này có da dẻ sần sùi, thân hình xấu xí, nhìn đáng ghê tởm; nhưng là người giàu sang phú quý, có nhiều của cải, sự nghiệp lớn lao và có địa vị cao quý?

3- Kính bạch Đức Thế Tôn, do nhân nào, duyên nào cho quả, có số phụ nữ trong đời này có da dẻ mịn màng, thân hình xinh đẹp, duyên dáng, đáng chiêm ngưỡng; nhưng là người nghèo khó, thiếu thốn của cải và có địa vị thấp kém?

4- Kính bạch Đức Thế Tôn, do nhân nào, duyên nào cho quả, có số phụ nữ trong đời này có da dẻ mịn màng, thân hình xinh đẹp, duyên dáng, đáng chiêm ngưỡng; còn là người giàu sang phú quý, có nhiều của cải, sự nghiệp lớn lao và có địa vị cao quý?

Đức Thế Tôn thuyết dạy rằng:

1- Nay Mallikā, trong đời này có số phụ nữ có tính sân hận, thường hay khổ tâm, bực tức, khi bị xúc phạm chút đỉnh, tâm sân hận liền phát sanh, nổi cơn giận dữ, có trạng thái hung hãn, dữ dằn, biểu hiện rõ nổi bất bình, không hài lòng; lại là người không hoan hỷ tạo phước thiện bố thí như: thức ăn, thức uống, vải, y phục, xe cộ, hoa quả, vật thơm, vật thoa, chỗ nằm, chỗ ở, đèn,... đến Sa môn, Bà la môn, và còn là người có tính ganh tị lợi lộc, địa vị, lễ vật, sự cung kính, lễ bái cúng dường của người khác, hay ngăn cản, cắt đứt lợi lộc... bởi do tính ganh tị. Số phụ nữ này sau khi chết, do thiện nghiệp khác cho quả, nếu được tái sanh trở lại làm người, thì là người phụ nữ có da dẻ sần sùi, thân hình xấu xí, nhìn đáng ghê tởm; còn là người nghèo khó, thiếu thốn của cải và có địa vị thấp kém trong đời.

Nay Mallikā, đó là nhân, là duyên cho quả, có số phụ nữ trong đời này có da dẻ sần sùi, thân hình xấu xí, nhìn đáng ghê tởm; còn là người nghèo khó, thiếu thốn của cải và có địa vị thấp kém.

2- Nay Mallikā, trong đời này có số phụ nữ có tính sân hận, thường hay khổ tâm, bực tức, khi bị xúc phạm chút đỉnh, tâm sân hận liền phát sanh, nổi cơn giận dữ, có trạng thái hung hãn, dữ dằn, biểu hiện rõ nổi bất bình, không hài lòng; nhưng là người hoan hỷ tạo phước thiện bố thí như: thức ăn, thức uống, vải, y phục, xe cộ, hoa quả, vật thơm, vật thoa, chỗ nằm, chỗ ở, đèn,... đến Sa môn, Bà la môn, và còn là người không có tính ganh tị lợi lộc, địa vị, lễ vật, sự cung kính, lễ bái cúng dường của người khác, không ngăn cản, không cắt đứt lợi lộc... bởi do tính không ganh tị. Số phụ nữ này sau khi chết, do thiện nghiệp ấy cho quả, nếu được tái sanh trở lại làm người, thì là người phụ nữ có da dẻ sần sùi,

thân hình xấu xí, nhìn đáng ghê tởm; nhưng là người giàu sang phú quý, có nhiều của cải, sự nghiệp lớn lao và có địa vị cao quý trong đời.

Này Mallikā, đó là nhân, là duyên cho quả, có số phụ nữ trong đời này có da dẻ sần sùi, thân hình xấu xí, nhìn đáng ghê tởm; nhưng là người giàu sang phú quý, có nhiều của cải, sự nghiệp lớn lao và có địa vị cao quý.

3- Này Mallikā, trong đời này có số phụ nữ không có tính sân hận, thường không khổ tâm, bức tức, dù bị xúc phạm nhiều, tâm sân hận vẫn không phát sanh, không nổi cơn giận dữ, không có trạng thái hung hãn, không dữ dằn, không biểu hiện rõ nổi bất bình, không tỏ ra sự không hài lòng; nhưng là người không hoan hỉ tạo phước thiện bố thí như: thức ăn, thức uống, vải, y phục, xe cộ, hoa quả, vật thơm, vật thoa, chỗ nằm, chỗ ở, đèn,... đến Sa môn, Bà la môn, và còn là người có tính ganh tị lợi lộc, địa vị, lễ vật, sự cung kính, lễ bái cúng dường của người khác, hay ngăn cản, cắt đứt lợi lộc... bởi do tính ganh tị. Số phụ nữ này sau khi chết, do thiện nghiệp cho quả, nếu được tái sanh trở lại làm người, thì là người phụ nữ có da dẻ mịn màng, thân hình xinh đẹp duyên dáng, đáng chiêm ngưỡng; nhưng là người nghèo khó, thiếu thốn của cải và có địa vị thấp kém trong đời.

Này Mallikā, đó là nhân, là duyên cho quả, có số phụ nữ trong đời này có da dẻ mịn màng, thân hình xinh đẹp, duyên dáng, đáng chiêm ngưỡng; nhưng là người nghèo khó, thiếu thốn của cải và có địa vị thấp kém.

4- Này Mallikā, trong đời này có số phụ nữ không có tính sân hận, thường không khổ tâm, bức tức, dù bị xúc phạm nhiều, tâm sân hận vẫn không phát sanh, không nổi cơn giận dữ, không có trạng thái hung hãn, không dữ dằn, không biểu hiện rõ nổi bất bình, không tỏ ra sự không hài lòng; lại là người hoan hỉ tạo phước thiện bố thí như: thức ăn, thức uống, vải, y phục, xe cộ, hoa quả, vật thơm, vật thoa, chỗ nằm, chỗ ở, đèn,... đến Sa môn, Bà la môn, và còn là người không có tính ganh tị lợi lộc, địa vị, lễ vật, sự cung kính, lễ bái cúng dường của người khác, không ngăn cản, không cắt đứt lợi lộc... bởi do tính không ganh tị. Số phụ nữ này sau khi chết, do thiện nghiệp cho quả, nếu được tái sanh trở lại làm người, thì là người phụ nữ có da dẻ mịn màng, thân hình xinh đẹp duyên dáng, đáng chiêm ngưỡng; lại là người giàu sang phú quý, có nhiều của cải, sự nghiệp lớn lao và có địa vị cao quý trong đời.

Này Mallikā, đó là nhân, là duyên cho quả, có số phụ nữ trong đời này có da dẻ mịn màng, thân hình xinh đẹp, duyên dáng, đáng chiêm ngưỡng; lại là người giàu sang phú quý, có nhiều của cải, sự nghiệp lớn lao và có địa vị cao quý.

Nghe Đức Thế Tôn thuyết dạy và giải đáp xong những câu hỏi, bà Chánh cung Hoàng hậu Mallikā bèn bạch rằng:

-- Kính bạch Đức Thế Tôn, tiền kiếp của con là người có tính sân hận, thường hay khổ tâm, bức tức, khi bị xúc phạm chút đỉnh, tâm sân hận liền phát sanh, nổi cơn giận dữ, có trạng thái hung hãn, dữ dằn, biểu hiện rõ nổi bất bình, không hài lòng; cho nên, kiếp hiện tại này con có da dẻ không mịn màng, thân hình không xinh đẹp, không đáng chiêm ngưỡng.

* Tiền kiếp của con là người hoan hỉ tạo phước thiện bố thí như: thức ăn, thức uống, vải, y phục, xe cộ, hoa quả, vật thơm, vật thoa, chỗ nằm, chỗ ở, đèn,... đến Sa môn, Bà la môn; cho nên, kiếp hiện tại này con là người giàu sang phú quý, có nhiều của cải.

* Tiền kiếp của con là người không có tính ganh tị lợi lộc, địa vị, lễ vật, sự cung kính, lễ bái cúng dường của người khác; cho nên, kiếp hiện tại này con có địa vị cao quý nhất.

-- Kính bạch Đức Thế Tôn, những người phụ nữ trong nước, trong dòng dõi Bà la môn, trong hoàng tộc, trong cung điện này, con là người phụ nữ có địa vị cao quý hơn tất cả những người phụ nữ ấy.

Kính bạch Đức Thế Tôn, kể từ nay về sau, con không dám có tính sân hận, thường không khổ tâm, bực tức, dù bị xúc phạm nhiều, tâm sân hận vẫn không phát sanh, không nổi cơn giận dữ, không có trạng thái hung hãn, dữ dằn, biểu hiện rõ nổi bất bình, không hài lòng; con sẽ hoan hỷ tạo phước thiện bố thí như: thức ăn, thức uống, vải, y phục, xe cộ, hoa quả, vật thơm, vật thoa, chỗ nằm, chỗ ở, đèn,... đến Sa môn, Bà la môn; con không có tính ganh tị lợi lộc, địa vị, lễ vật, sự cung kính, lễ bái cúng dường của người khác, không ngăn cản, không cắt đứt lợi lộc,... bởi do tính không ganh tị nữa.

Kính bạch Đức Thế Tôn, lời dạy của Ngài rõ ràng quá! Kính bạch Đức Thế Tôn, lời dạy của Ngài rõ ràng quá!

Con xin hết lòng thành kính nương nhờ nơi Đức Thế Tôn, Đức Pháp, Đức Tăng, kính xin Ngài nhận biết con là người cận sự nữ đã quy y Tam bảo kể từ nay cho đến trọn đời.

(Xong bài kinh Mallikāsutta).

Qua bài kinh trên, có thể hiểu rằng:

-- Người có tính sân hận, khi tâm sân phát sanh cơn giận dữ, bực tức, mặt mày trông đáng ghê sợ, cho nên người ta thường xa lánh. Tâm sân là tâm bất thiện (tâm ác), có nghiệp bất thiện (nghiệp ác); nếu nghiệp bất thiện này cho quả, thì người ấy có da dẻ sần sùi, thân hình xấu xí, nhìn đáng ghê tởm, ví như tích bà Chánh cung Hoàng hậu Pañcapāpi và tích Đức vua Kusa (Xem tích truyện đầy đủ trong quyển "Tìm hiểu phước Bố thí" của cùng soạn giả).

-- Người không có tính sân hận, có tâm từ, có đức tính nhẫn nại, gương mặt trông dễ thân thiện kính mến, cho nên, người ta thường gần gũi, thân cận. Tâm từ hoặc đức tính nhẫn nại thuộc tâm thiện có nghiệp thiện; nếu nghiệp thiện này cho quả thì người ấy có da dẻ mịn màng, thân hình xinh đẹp, duyên dáng, đáng chiêm ngưỡng, ví như tích nàng Ummadandī (Xem tích truyện đầy đủ trong quyển "Tìm hiểu phước Bố thí" của cùng soạn giả).

-- Người có tính keo kiệt trong tài sản, của cải của mình, không chịu đem của cải làm phước thiện bố thí đến những người khác, cho nên, chư bậc Thiện trí, những người khác thường không gần gũi, thân cận. Nếu nghiệp bất thiện này cho quả, thì người ấy là người nghèo khó, thiếu thốn của cải.

-- Người có tính nhân từ, hoan hỷ tạo phước thiện bố thí, đem của cải phân phát, bố thí đến những người khác, cho nên, chư bậc Thiện trí, những người khác thường gần gũi, thân cận. Nếu nghiệp thiện này cho quả, thì người ấy là người giàu sang phú quý, có nhiều của cải, sự nghiệp lớn lao.

-- Người hay có tính ganh tị lợi lộc, địa vị... của người khác, cho nên người ta không yêu mến. Nếu nghiệp bất thiện này cho quả, thì người ấy có địa vị thấp kém trong đời.

-- Người không có tính ganh tị lợi lộc, địa vị... của người khác, thường có tâm hoan hỷ lợi lộc, địa vị, sự an lạc của người khác, cho nên, được nhiều yêu mến. Nếu nghiệp thiện này cho quả, thì người ấy có địa vị cao quý trong đời.

Tóm lại, nghiệp và quả của nghiệp phân loại chúng sinh, muốn quả như thế nào, thì nên tạo nghiệp như thế ấy.

Quả của nghiệp tương xứng với nghiệp.

Nghiệp thiện cho quả tốt, an lạc.

Nghiệp ác cho quả xấu, khổ não.

Vấn-đáp về đề tài Nhẫn Nại

Vấn: Nhẫn nại là một đức hạnh cao thượng mà Đức Phật tán dương "Khanṭi paramam tapo tīṭikkhā...". (Đức nhẫn nại là một pháp hạnh cao thượng). Vậy, làm cách nào để có được đức tính nhẫn nại?

Đáp: Muốn có được đức tính nhẫn nại cần phải thành tâm phát nguyện thọ trì pháp hạnh nhẫn nại rằng:

"Con xin thành tâm phát nguyện thọ trì pháp hạnh nhẫn nại suốt đời, dù tiếp xúc phải những đối tượng làm cho bất bình như: kẻ ác chửi rửa, mắng nhiếc, hăm dọa, đánh đập, v.v... làm khổ con; con vẫn giữ vững đức tính nhẫn nại, không hề có tâm sân hận".

Khi đã thành tâm phát nguyện xong, ví như có một bức tường thành vô hình vững chắc bên ngoài, có một năng lực phi thường bảo vệ hành giả. Nếu tiếp xúc phải những đối tượng làm cho bất bình, những cảnh trái ý nghịch lòng, thì khi ấy có đức tính nhẫn nại bên trong chịu đựng một cách tự nhiên, chỉ có tâm sở vô sân đồng sanh với đại thiện tâm phát sanh, không hề có sân tâm phát sanh, bởi vì có đức tính nhẫn nại bảo vệ.

Vấn: Có đức tính nhẫn nại khi nào?

Đáp: Trong cuộc sống hằng ngày tiếp xúc những đối tượng đáng hài lòng, thì không có đức tính nhẫn nại; chỉ khi nào tiếp xúc phải những đối tượng làm cho bất bình, những cảnh trái ý nghịch lòng,... khi ấy mới cần có đức tính nhẫn nại chịu đựng những đối tượng ấy một cách tự nhiên, không hề có sân tâm phát sanh do bởi đối tượng ấy.

Vấn: Những đối tượng làm cho bất bình như thế nào?

Đáp: Những đối tượng làm cho bất bình là những đối tượng không đáng hài lòng như:

-- Thời tiết, hoàn cảnh khắc nghiệt: nóng quá, lạnh quá, đói quá, khát quá, v.v....

-- Tiếp xúc với những kẻ ác: chửi rửa, mắng nhiếc, hăm dọa, đánh đập, v.v....

-- Tiếp xúc cảnh trái ý nghịch lòng, không nhất thiết phải là đối tượng xấu, có thể là những đối tượng tốt mà mình không hài lòng, ví như: Đức Phật là một đối tượng hoàn toàn tốt, nhưng đối với những hàng ngoại đạo, Đức Phật là đối tượng làm cho họ bất bình, tâm sân hận phát sanh, do nghĩ sai lầm rằng: "Chính Đức Phật làm cho chúng ta mất nhiều lợi lộc v.v...".

Những đối tượng làm cho bất bình này dễ phát sanh tâm sân hận, song đối với những ai đã phát nguyện thọ trì pháp hạnh nhẫn nại từ trước, nay tiếp xúc với những đối tượng làm cho bất bình này, thì đây là cơ hội tốt để thực hành pháp hạnh nhẫn nại.

Vấn: Đức tính nhẫn nại với tâm từ giống nhau và khác nhau như thế nào?

Đáp: Đức tính nhẫn nại với tâm từ giống nhau về chi pháp, cả hai đều có chi pháp: vô sân tâm sở (adosacetāsika) đồng sanh với thiện tâm.

Và khác nhau về đối tượng:

-- Đối tượng của đức tính nhẫn nại là những đối tượng làm cho bất bình, không đáng hài lòng, những cảnh trái ý nghịch lòng, v.v... gồm có nhiều đối tượng: người, chúng sinh, đồ dùng, thời tiết, v.v....

-- Đối tượng của tâm từ giai đoạn ban đầu là người đáng kính, đáng yêu, chúng sinh đáng kính, đáng yêu; cho đến khi tâm từ phát triển tốt, đối tượng tâm từ chuyển sang tất cả mọi người, tất cả mọi chúng sinh không phân biệt, không có giới hạn, để đạt đến tâm từ vô lượng.

Vấn: Khi tiếp xúc với đối tượng làm cho bất bình, suy xét bằng cách nào để có được đức tính nhẫn nại, mà tâm sân không hề phát sanh?

Đáp: Có nhiều cách để có được đức tính nhẫn nại, mà tâm sân không hề phát sanh như sau:

1- Suy xét về sự lợi ích:

Trong tất cả mọi sự lợi ích, sự lợi ích của đức tính nhẫn nại là hơn cả. Bởi vì, đức tính nhẫn nại đem lại sự lợi ích cả cho mình lẫn cho người. Hơn nữa, người có đức tính nhẫn nại dễ dàng giữ gìn giới hạnh được trong sạch và đầy đủ; tiến hành thiền định phát triển tốt; tiến hành thiền tuệ được tăng trưởng tốt, dẫn đến sự chứng đắc Thánh Đạo-Thánh Quả và Niết Bàn, đó là sự lợi ích cao thượng nhất. Do xét thấy lợi ích lớn lao ấy, nên cố gắng giữ gìn đức tính nhẫn nại.

2- Suy xét về nghiệp và quả của nghiệp:

Trường hợp có người đến làm khổ ta, nên có chánh kiến về nghiệp thấy đúng, hiểu đúng rằng: Đó là quả của ác nghiệp mà chính ta đã tạo trong kiếp hiện tại này hoặc trong những tiền kiếp của ta; nay đến thời kỳ cho quả của ác nghiệp ấy. Ta đã tạo ác nghiệp, nay ta phải chịu quả khổ của ác nghiệp ấy, xem như đã trả xong một món nợ, đó là lẽ đương nhiên, hợp với tính chất công minh chính trực của định luật nhân quả, hoàn toàn không có sự bất công nào cả. Nhưng thật đáng thương cho người thi hành theo mệnh lệnh của ác nghiệp mà chính ta đã tạo, đến làm khổ ta như chửi rửa, mắng nhiếc, hăm dọa, đánh đập, v.v... để rồi người ấy lại phải tạo nên ác nghiệp do bởi ta, thì thật đáng thương biết dường nào!

Ví dụ cụ thể để so sánh dễ hiểu:

Một tên cướp của giết người bị bắt tại trận, có tang chứng, vật chứng rành rành; toà kết án tử hình, thế là tội nhân mang bản án tử hình được giao cho người đao phủ thi hành theo phán quyết của toà án. Người đao phủ thừa lệnh thi hành bản án, giết chết tên tội nhân (theo lệnh toà án); mà hoàn toàn không có oán thù với y. Nhưng người đao phủ đã phải phạm giới sát sanh giết người, thì thật đáng thương biết dường nào! Nếu người kia không tạo ác nghiệp cướp của giết người, thì không có bản án tử hình, và người đao phủ cũng không phải phạm giới sát sanh giết người. Cũng như vậy, nếu ta không từng tạo ác nghiệp nào, thì không có quả khổ của ác nghiệp ấy, chắc chắn chẳng có một ai đến làm khổ ta được.

Ác nghiệp mà ta đã từng tạo trong quá khứ, một khi đến thời kỳ cho quả của ác nghiệp ấy, sẽ xui khiến cho người khác đến làm khổ ta. Người ấy phải thi hành theo mệnh lệnh quả của ác nghiệp

mà chính ta đã tạo, để rồi người ấy lại tạo nên ác nghiệp do bởi ta. Như vậy, người ấy đáng thương hay đáng ghét?

Nếu cảm thấy người làm khổ ta đáng thương, thì tâm sân không phát sanh, chỉ có tâm bi đáng thương người ấy phát sanh mà thôi; bi tâm sở đồng sanh với thiện tâm phát sanh, không có tâm sân bức tức người ấy, mà có đức tính nhẫn nại chịu đựng một cách tự nhiên, như người thừa kế quả ác nghiệp của mình.

3- Suy xét về thiện nghiệp-ác nghiệp:

Trường hợp có người đến làm khổ ta như: chửi rửa, mắng nhiếc, vu oan giá họa, hăm dọa, đánh đập ta một cách tàn nhẫn. Khi ấy, ta nên có chánh kiến thấy đúng về nghiệp của mình (kammassakatā sammāditthi) rằng: Đó chỉ là quả khổ của ác nghiệp mà chính mình đã tạo trong quá khứ của kiếp hiện tại, hoặc trong những tiền kiếp của mình; nghiệp ác ấy đến thời kỳ cho quả khổ, dù muốn dù không ta cũng phải chịu đựng chấp nhận, mà không có quyền lựa chọn; nay ta có trọn quyền lựa chọn là:

-- Nếu ta sân hận, nổi cơn giận dữ, bức tức, chửi rửa, mắng nhiếc, hăm dọa, đánh đập, v.v... để trả thù lại người ấy, thì ta không những chịu quả khổ của ác nghiệp cũ, mà lại còn tạo thêm ác nghiệp mới, để rồi phải chịu quả khổ trong vị lai.

-- Nếu ta có đức tính nhẫn nại, không sân hận, nổi cơn giận dữ, bức tức, không chửi rửa, mắng nhiếc, hăm dọa, đánh đập, v.v... không trả thù người ấy, thì ta không những chịu đựng trả quả khổ của ác nghiệp cũ, mà còn có cơ hội tạo thiện nghiệp mới, do nhờ đức tính nhẫn nại của mình, để rồi được hưởng quả an lạc trong vị lai.

4- Suy xét về tính chất công minh của nghiệp:

Trong cuộc sống của ta nói riêng, tất cả chúng sinh nói chung đều do quả của nghiệp chi phối, phân chia từng mỗi chúng sinh. Khi nghiệp cho quả, thì rất công minh chính trực, không hề thiên vị một ai, dù là Đức Phật.

Thiện nghiệp cho quả tốt, an lạc.

Ác nghiệp cho quả xấu, khổ não.

-- Khi thiện nghiệp đến thời kỳ cho quả, khiến cho nhiều người đối xử tốt với ta bằng thân, khẩu, ý để đem lại sự an lạc. Đó là quả của thiện nghiệp do chính ta đã tạo, ta thọ nhận dễ dàng.

-- Khi ác nghiệp đến thời kỳ cho quả, khiến cho người khác đối xử tệ với ta bằng thân, khẩu, ý để đem lại sự khổ não. Đó là quả của ác nghiệp do chính ta đã tạo, nếu ta không chịu chấp nhận, thì ta không công minh chính trực với mình.

Một người Phật tử có trí tuệ sáng suốt, có chánh kiến về nghiệp của mình (kammassakatā sammāditthi), hiểu biết đúng đắn rằng: "Tất cả mọi **quả** đã hiện hữu trong đời này, đều sanh từ **ngiệp**: quả an lạc sanh từ thiện nghiệp và quả khổ não sanh từ ác nghiệp; thiện nghiệp, ác nghiệp chính do ta tạo, rồi sẽ hưởng quả của nghiệp ấy". Người nào có đức tin nơi nghiệp và quả của nghiệp, tin ở sự công minh chính trực của nghiệp cho quả, thì chắc chắn không hề phiền trách ai làm khổ mình, người ấy sẽ có đức tính nhẫn nại chịu đựng quả khổ mà không hề phát sanh tâm sân hận.

Một số người quan niệm rằng: "Có sự **bất công** trong đời này", đó là cách nhìn rất thiên cận xét theo nhân hiện tại. Cuộc đời của mỗi chúng ta nói riêng, tất cả chúng sinh nói chung không chỉ tùy

thuộc vào nhân duyên hiện tại, mà phần lớn tùy thuộc vào nhân duyên nhiều đời nhiều kiếp, vô lượng kiếp trong quá khứ.

Ví dụ: Đức Bồ Tát Siddhaṭṭha, kiếp hiện tại trở thành bậc Chánh Đẳng Giác, nhưng sự thật, Ngài đã trải qua một quá trình tạo 30 pháp hạnh ba la mật; từ giai đoạn đầu phát nguyện trong tâm có ý nguyện trở thành bậc Chánh Đẳng Giác, thời gian suốt 7 a tăng kỳ (a tăng kỳ - asaṅkheyya: khoảng thời gian rất dài không thể tính bằng số lượng); đến giai đoạn giữa phát nguyện ra bằng lời nói, để chúng sinh đều nghe biết, suốt thời gian 9 a tăng kỳ; đến giai đoạn cuối cùng được Đức Phật Dīpaṅkara thọ ký trở thành Đức Bồ Tát cố định, còn phải tạo thêm 30 pháp hạnh ba la mật suốt 4 a tăng kỳ và 100 ngàn đại kiếp trái đất, trải qua 24 Đức Phật thọ ký tiếp theo từng giai đoạn, cuối cùng đến Đức Phật Kassapa - vị thứ 24 thọ ký. Đức Bồ Tát tinh tấn không ngừng tạo 30 pháp hạnh ba la mật cho được đầy đủ, đến kiếp chót là Đức Bồ Tát Siddhaṭṭha xuất gia tiến hành thiền định, tiến hành thiền tuệ, tự mình chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo-4 Thánh Quả và Niết Bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán đầu tiên, không có thầy chỉ dạy, do đó có Ân Đức Phật là Sammāsambuddho: bậc Chánh Đẳng Giác.

Trong vòng tử sanh luân hồi, vô số tiền kiếp của Đức Phật, là những Đức Bồ Tát cũng có khi tạo ác nghiệp, cho nên khi đã thành bậc Chánh Đẳng Giác rồi, trong cuộc đời suốt 45 năm của Ngài, có khi ác nghiệp có cơ hội cho quả xấu, như: bị nàng kỹ nữ Cīṇāmānavikā giả làm người đàn bà mang thai, rồi vu oan giá họa cho rằng: Đức Phật ăn ở với nàng có thai.... Và chuyện Tỳ khuru Devadatta tìm mọi cách hãm hại Đức Phật, nhưng chắc chắn không có một ai có thể hại Ngài được. Những sự kiện như trên xảy ra trong cuộc đời Đức Phật đều do quả của ác nghiệp, mà tiền thân của Ngài là những kiếp Đức Bồ Tát trong quá khứ đã tạo; ở kiếp hiện tại, dù Ngài đã trở thành bậc Chánh Đẳng Giác, cũng không thể tránh khỏi quả của ác nghiệp, huống hồ gì những người như chúng ta làm sao tránh khỏi ác nghiệp đến thời kỳ cho quả. Nghiệp và quả của nghiệp rất công minh với chính nó.

Do đó, ta nên có đức nhẫn nại chịu đựng.

5- Suy xét về chúng sinh:

Đức Phật dạy: Trong vòng tử sanh luân hồi trải qua vô số kiếp từ vô thủy không sao biết được cho đến kiếp hiện tại này, một chúng sinh chưa từng là mẹ của mình, không dễ gì tìm thấy được (nghĩa là đã từng là mẹ của mình trong tiền kiếp), bởi vì trong vòng tử sanh luân hồi vô số kiếp từ vô thủy cho đến kiếp hiện tại, trải qua thời gian quá lâu dài không sao kể xiết.

Cũng như vậy, một chúng sinh chưa từng là cha, ông, bà, chú, bác, cô, dì, anh, em,... không dễ gì tìm thấy được. Nghĩa là bất cứ một chúng sinh nào cũng đã từng là thân bằng quyến thuộc của ta, gần trong kiếp hiện tại hoặc xa trong những tiền kiếp quá khứ. Chính ta đã mang ơn họ, dù họ có làm khổ ta, bởi do ác nghiệp của ta đến thời kỳ cho quả, chẳng lẽ ta lại căm thù người ấy, nghĩa là ta căm thù ân nhân là thân bằng quyến thuộc gần hoặc xa của ta hay sao!

Do suy xét về sự biết ơn và đền đáp công ơn đối với ân nhân của ta, nên tâm sân hận và căm thù không phát sanh; đức tính nhẫn nại đó là vô sân tâm sở đồng sanh với đại thiện tâm phát sanh chịu đựng mọi nỗi khổ một cách tự nhiên.

6- Suy xét về đức tính nhẫn nại là pháp hạnh ba la mật:

Ý nguyện muốn trở thành Đức Phật Toàn Giác, Đức Phật Độc Giác, bậc Thánh Thanh Văn Giác cần phải tạo đầy đủ các pháp hạnh ba la mật tùy theo mỗi bậc:

-- Để trở thành Đức Phật Toàn Giác cần phải tạo đầy đủ 30 pháp hạnh ba la mật: 10 pháp hạnh ba la mật bậc thường, 10 pháp hạnh ba la mật bậc trung, 10 pháp hạnh ba la mật bậc thượng.

-- Để trở thành Đức Phật Độc Giác cần phải tạo đầy đủ 20 pháp hạnh ba la mật: 10 pháp hạnh ba la mật bậc thường, 10 pháp hạnh ba la mật bậc trung.

-- Để trở thành bậc Thánh Thanh Văn Giác cần phải tạo đầy đủ 10 pháp hạnh ba la mật bậc thường.

10 pháp hạnh ba la mật đó là:

- 1) Bố thí ba la mật.
- 2) Giữ giới ba la mật.
- 3) Xuất gia ba la mật.
- 4) Trí tuệ ba la mật.
- 5) Tinh tấn ba la mật.
- 6) Nhẫn nại ba la mật.
- 7) Chân thật ba la mật.
- 8) Chí nguyện ba la mật.
- 9) Tâm từ ba la mật.
- 10) Tâm xả ba la mật.

Như vậy, nhẫn nại là một trong mười pháp hạnh ba la mật để trở thành Đức Phật Toàn Giác, Đức Phật Độc Giác, bậc Thánh Thanh Văn Giác, để làm duyên lành dẫn đến sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc Thánh Đạo-Thánh Quả và Niết Bàn, giải thoát mọi cảnh khổ tử sanh luân hồi trong ba giới bốn loài, được an lạc tuyệt đối.

Trong 10 pháp hạnh ba la mật, **pháp hạnh nhẫn nại** ba la mật có tính chất đặc biệt về đối tượng, còn lại 9 pháp hạnh ba la mật khác có thể tạo trong bất cứ đối tượng nào, bất cứ thời gian nào theo ý muốn của mình. Riêng đối tượng của pháp hạnh nhẫn nại ba la mật không thể tạo theo ý muốn của mình. Vì sao?-Bởi vì những đối tượng làm cho bất bình, không đáng hài lòng, cảnh trái ý nghịch lòng, v.v... xảy ra không ngờ trước.

Ví dụ: Bỗng nhiên có người nào đến chửi rửa, mắng nhiếc, hăm dọa, đánh đập ta,... những đối tượng này dễ làm cho tâm sân hận, nổi cơn giận dữ, bực tức phát sanh, nhưng đây chính là các đối tượng của đức tính nhẫn nại, của pháp hạnh nhẫn nại ba la mật. Cho nên, khi nào bỗng nhiên có người nào đến chửi rửa, mắng nhiếc, hăm dọa, đánh đập ta..., khi ấy mới có cơ hội tốt để cho ta rèn luyện đức tính nhẫn nại cao thượng, để tạo được pháp hạnh nhẫn nại ba la mật.

Sự thật, ta có được đức tính nhẫn nại cao thượng, tạo được pháp hạnh nhẫn nại ba la mật, là nhờ đâu?-Nhờ người khác bỗng nhiên đến chửi rửa, mắng nhiếc,... đánh đập ta. Như vậy, người ấy trở thành ân nhân giúp đỡ ta tạo được đức tính nhẫn nại cao thượng, tạo được pháp hạnh nhẫn nại ba la mật; ta cần phải biết ơn người ấy, do đức tính biết ơn nên tâm sân hận, nổi cơn giận dữ, bực tức người ấy không thể phát sanh, chỉ có đức tính nhẫn nại là đại thiện tâm phát sanh mà thôi. Hơn nữa, người ấy còn là người thật đáng thương. Vì sao?-Bởi vì họ thi hành theo mệnh lệnh vô hình do năng lực ác nghiệp của ta đến thời kỳ cho quả, rồi tự tạo nên ác nghiệp của họ. Nghĩa là người ấy tạo ác nghiệp do bởi ta, nên thật đáng thương; ta có tâm bi đầy thương cảm, nên tâm sân hận, nổi cơn giận dữ, bực tức người ấy không thể phát sanh, chỉ có đức tính nhẫn nại là đại thiện tâm phát sanh mà thôi.

Nếu ta có tâm sân phát sanh bên trong, cố nhịn nhục, không có biểu hiện ra bên ngoài bằng lời nói thô tục hoặc hành vi, cử chỉ thô bạo, thì cũng không thể gọi là đức tính nhẫn nại cao thượng, không tạo được pháp hạnh nhẫn nại ba la mật, do tâm bị ô nhiễm bởi phiền não sân hận.

Vậy, để đạt được đức tính nhẫn nại cao thượng, pháp hạnh nhẫn nại ba la mật, thì ta nên có đức tin trong sạch nơi nghiệp và quả của nghiệp; có chánh kiến về nghiệp của mình; có trí tuệ thấy rõ biết rõ sự tai hại của tính không nhẫn nại và sự lợi ích của đức tính nhẫn nại; cho nên, dù tiếp xúc với đối tượng làm cho bất bình như thế nào hay gặp cảnh trái ý nghịch lòng ra sao, thì vô sân tâm sở đồng sanh với đại thiện tâm phát sanh, mà sân tâm không hề phát sanh; giữ gìn thiện tâm tăng trưởng để tạo pháp hạnh ba la mật cho được đầy đủ, ngõ hầu mong trở thành Đức Phật Toàn Giác, Đức Phật Độc Giác, bậc Thánh Thanh Văn Giác, đạt đến mục đích cứu cánh cuối cùng tịch diệt Niết Bàn, giải thoát mọi cảnh khổ tử sanh luân hồi trong ba giới bốn loài.

ĐOẠN KẾT

Đức tính nhẫn nại thuộc về **tâm sở vô sân** (adosacetasika) trong thiện tâm, có trạng thái hiền lành, không làm khổ mình, không làm khổ mọi người, mọi chúng sinh.

Tính không nhẫn nại thuộc về **tâm sân** trong ác tâm, có trạng thái sân hận, giận dữ, bực tức, tự làm khổ mình, làm khổ mọi người, mọi chúng sinh.

Đức tính nhẫn nại như là một thành lũy vững chắc để tránh xa mọi ác nghiệp do thân, khẩu, ý và làm nền tảng để tạo mọi thiện nghiệp do thân, khẩu, ý, hỗ trợ cho mọi thiện pháp được phát sanh và tăng trưởng tốt như:

-- Đức tính nhẫn nại hỗ trợ giữ gìn giới hạnh được trong sạch và đầy đủ; hỗ trợ việc tiến hành thiền định được phát triển tốt, dẫn đến sự chứng đắc các bậc thiền sắc giới, bậc thiền vô sắc giới; hỗ trợ việc tiến hành thiền tuệ được tăng trưởng tốt, dẫn đến sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc Thánh Đạo-Thánh Quả và Niết Bàn.

-- Đức tính nhẫn nại là vật trang sức của bậc Thiện trí, là pháp hạnh của bậc Phạm hạnh, là sức mạnh bảo vệ của bậc xuất gia, hàng tại gia.

-- Người có đức tính nhẫn nại dễ có tâm từ vô lượng phát sanh, chúng sinh gần gũi thân cận hưởng được sự mát mẻ; có danh thơm tiếng tốt được lan truyền khắp gần xa; giữ gìn được sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an lạc lâu dài cho cả mình lẫn mọi người, mọi chúng sinh.

-- Người có đức tính nhẫn nại là người thực hành theo lời giáo huấn của Đức Phật, cúng dường Đức Phật một cách cao thượng nhất.

*** Quả báu của đức tính nhẫn nại trong kiếp hiện tại là:**

-- Người có đức tính nhẫn nại được phần đông chư thiên và nhân loại thương yêu, kính mến, mong muốn được gần gũi, thân cận.

-- Không gây oan trái với ai, nên được nhiều người yêu thương.

-- Không tạo mọi tội lỗi, ác pháp, mà chỉ có tạo mọi phước thiện, nên thiện tâm lúc nào cũng được an lạc tự nhiên, mặt mày trông đáng kính mến.

-- Đến lúc lâm chung, cuối cùng của cuộc đời, tâm không mê muội, tâm trí sáng suốt, minh mẫn, có trạng thái an nhiên tự tại.

*** Quả báu của đức tính nhẫn nại trong kiếp vị lai là:**

Tâm trí sáng suốt, minh mẫn có trạng thái an nhiên tự tại lúc lâm chung, cho nên sau khi chết, do thiện nghiệp cho quả tái sinh cõi thiện giới:

-- Nếu dục giới thiện nghiệp cho quả, thì được tái sinh làm người trong cõi người, sẽ là hạng người có đủ tam nhân (vô tham, vô sân, vô si = trí tuệ), hoặc hoá sanh làm chư thiên ở một trong 6 cõi trời dục giới tùy theo năng lực thiện nghiệp của mình.

-- Nếu sắc giới thiện nghiệp cho quả, thì được hoá sanh làm Phạm thiên ở một trong 16 cõi trời sắc giới tùy theo bậc thiên sở đắc của mình.

-- Nếu vô sắc giới thiện nghiệp cho quả, thì được hoá sanh làm Phạm thiên ở một trong 4 cõi trời vô sắc giới tùy theo bậc thiên sở đắc của mình.

-- Nếu là bậc Thánh A-ra-hán, thì tịch diệt Niết Bàn, chấm dứt mọi cảnh khổ tử sanh luân hồi trong ba giới bốn loài.

Trong đời này, chẳng có ai yêu thương mình bằng mình cả. **Yêu thương mình** đúng với ý nghĩa, thì cần phải có đức tính nhẫn nại, vì chỉ có đức tính nhẫn nại cao thượng này mới đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an lạc cho mình thật sự; mới có thể nâng đỡ mình lên bậc cao thượng. **Yêu thương người** đúng với ý nghĩa, thì cũng phải có đức tính nhẫn nại, vì chỉ có đức tính nhẫn nại cao thượng này mới thật sự đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an lạc cho mọi người, mọi chúng sinh.

Người có đức tính nhẫn nại, nên giữ gìn, duy trì đức tính nhẫn nại ở trong tâm mình, để làm nền tảng cho mọi thiện pháp được phát triển tốt.

Người chưa có đức tính nhẫn nại, nên thành tâm phát nguyện thọ trì rằng:

"Con xin thành tâm phát nguyện thọ trì pháp hạnh nhẫn nại suốt đời, dù tiếp xúc phải những đối tượng làm cho bất bình như: kẻ ác chửi rủa, mắng nhiếc, hăm dọa, đánh đập, v.v... làm khổ con; con vẫn giữ vững đức tính nhẫn nại, không hề có tâm sân hận".

Sau khi đã phát nguyện thọ trì xong, đức tính nhẫn nại ví như một thành lũy vững chắc bảo vệ mình; mỗi khi có người đến làm khổ mình, đó là cơ hội tốt để mình rèn luyện đức tính nhẫn nại cao thượng, để tạo pháp hạnh nhẫn nại ba la mật cần thiết cho đầy đủ các pháp hạnh ba la mật, làm duyên lành hầu mong giải thoát mọi cảnh khổ tử sanh luân hồi trong ba giới bốn loài.

Mùa an cư nhập hạ Pl.2546

Núi rừng Viên Không

Bà Rịa - Vũng Tàu

Sư Hộ Pháp